

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO MỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: **Du lịch (Tourism)**
Mã ngành đào tạo: **7810101**
Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**
Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**
Khoa quản lý: **KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Trường Đại học Tôn Đức Thắng

1.1.1. Hoạt động đào tạo

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) thành lập theo Quyết định 787/TTg-QĐ ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Trường được Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh sáng lập, đầu tư và quản lý. Mục tiêu thành lập Trường trong giai đoạn đầu là: Thực hiện Chương trình 17/TU và Chỉ thị 13 của thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho giai cấp công nhân thành phố; Phát triển nguồn nhân lực cho nhu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá; Góp phần đào tạo nhân tài, nhân lực, thực hiện nghiên cứu để phục vụ hệ thống sản xuất, xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Với triết lý “Giáo dục khai phóng để phát triển con người toàn diện”, Nhà trường đã đặt ra mục tiêu dài hạn là một đại học nghiên cứu trong vòng ba thập niên tới, song song với việc giữ vai trò đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, phục vụ nhu cầu cung ứng nhân lực chất lượng cao cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam.

Là một đại học đa ngành, Trường Đại học Tôn Đức Thắng hiện đang đào tạo 40 ngành/chuyên ngành trình độ đại học với các chương trình đào tạo (CTĐT) tiêu chuẩn, CTĐT tiên tiến, chương trình đại học tiếng Anh và liên kết đào tạo quốc tế, 13 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 05 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (bảng 1.1).

Bảng 1.1: Thống kê quy mô đào tạo năm 2024 của Trường Đại học Tôn Đức Thắng

STT	Trình độ đào tạo	Số ngành/ chuyên ngành	Qui mô sinh viên (tháng 10/2024)	Tổng số sinh viên tốt nghiệp (tháng 10/2024)	Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong vòng 1 năm
1	Đại học	40 ngành	24.543	70.726	99% - 100%
2	Thạc sĩ	13 ngành	192	1.993	
3	Tiến sĩ	05 ngành	20	10	
Tổng cộng		58	24.755	72.729	

Trên cơ sở chất lượng giáo dục và khoa học-công nghệ theo chuẩn quốc tế, nhiều trường đại học trên thế giới có nền giáo dục đại học phát triển đã công nhận kết quả đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và triển khai liên kết đào tạo đại học, sau đại học với Trường dưới nhiều hình thức.

Tính đến năm 2024, Nhà trường triển khai 12 chương trình liên kết đào tạo bậc Đại học (cấp song bằng hoặc đơn bằng hình thức 3+1, 2.5+1.5 hoặc 2+2). Tất cả các đối tác liên kết đều là các trường có uy tín về chất lượng giáo dục tại các nước tiên tiến như Đại học La Trobe (Úc), Đại học West of England, Bristol (Anh), Đại học Khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan), Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc), Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (CH Séc), Đại học Taylor's (Malaysia), Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp), Đại học Masey (New Zealand). Các ngành liên kết đào tạo đều là các ngành nghề có nhu cầu xã hội cao về nguồn nhân lực như Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện – điện tử, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kinh doanh quốc tế. Từ năm 2020 đến năm 2024, Nhà trường đã đưa 233 sinh viên đi học chương trình liên kết đào tạo bậc đại học chính quy giai đoạn 02 ở nước ngoài.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phải đối mặt với những áp lực về tài chính, về yêu cầu đảm bảo chất lượng, về sự đa dạng hóa đối với giáo dục đại học ngày càng tăng, sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường Việt Nam cũng như trong khu vực và trên thế giới, Nhà trường luôn phải khẳng định được chất lượng đào tạo, định vị thương hiệu của mình trong việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho thị trường lao động (trong nước cũng như trong khu vực). Vì vậy, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã chủ động lên kế hoạch và thực hiện công tác kiểm định cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT theo các bộ tiêu chuẩn chất

lượng quốc tế như AUN-QA, FIBAA, ASIIN, HCERES. TDTU vinh dự được Hội đồng Kiểm định và Chứng nhận của FIBAA (FIBAA Accreditation and Certification Committee) quyết định công nhận và trao con dấu chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc tế. Thời hạn công nhận của quyết định là 06 năm (tính từ ngày 06/03/2024 đến ngày 05/3/2030). Từ năm 2019 đến nay, Trường đã có 44 CTĐT trình độ đại học và sau đại học được công nhận đạt chuẩn quốc tế gồm 20 CTĐT đạt chuẩn AUN-QA (ASEAN University Network - Quality Assurance), 15 CTĐT đạt chuẩn FIBAA (Foundation for International Business Administration Accreditation) và 09 CTĐT đạt chuẩn ASIIN (Accreditation Agency for Study Programmes in Engineering, Informatics, Natural Sciences and Mathematics). Tất cả các CTĐT còn lại của Trường đều đã được rà soát, cập nhật và có kế hoạch kiểm định theo các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

Sau gần 28 năm xây dựng và phát triển, TDTU không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và hợp tác quốc tế. Những thành tựu trên các bảng xếp hạng uy tín là minh chứng cho sự phát triển bền vững của nhà trường. Theo Bảng xếp hạng các trường đại học hàng đầu thế giới Times Higher Education 2025 (THE 2025), TDTU thuộc nhóm 601-800 đại học tốt nhất thế giới. TDTU được đánh giá trong TOP 200 của THE Asia University Rankings 2024 và THE Young University Rankings 2024, xếp thứ 711-720 trong bảng xếp hạng các đại học tốt nhất thế giới theo QS Asia University Rankings 2025 (Quacquarelli Symonds). Ngoài ra, với định hướng phát triển xanh, TDTU còn đứng thứ 87/1476 toàn cầu theo UI GreenMetric 2024, ghi nhận về các hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

1.1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Với mục tiêu trở thành trường đại học nghiên cứu, TDTU đã không ngừng nỗ lực, phát huy thế mạnh của mình trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín trong học thuật trên cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế. Nhà trường đã xây dựng chính sách phát triển Khoa học công nghệ (KH-CN) theo hướng thực chất và bền vững; Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định liên quan các hoạt động khoa học và công nghệ đúng quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ của Nhà nước. Kết quả đạt được trong hoạt động KH-CN của Nhà trường trong những năm vừa qua như sau:

- **Về hoạt động công bố quốc tế:** TDTU đã thành lập các Viện, Nhóm nghiên cứu có đẳng cấp quốc tế, được đánh giá cao trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học trên thế giới, hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường tập trung theo hướng phát triển bền vững, thực chất từ nội lực. Tính đến 4/2025, toàn Trường có **23** nhóm nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau thực hiện các nghiên cứu công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế, chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp. Thành lập **09** nhóm nghiên cứu mạnh được dẫn dắt bởi các nhà khoa học có uy tín đang làm việc toàn thời gian tại Trường. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục thành lập và phát triển các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh ở các Khoa/Viện theo kế hoạch đã ban hành.

Hiện nay, tổng số công bố quốc tế trên cơ sở dữ liệu WoS/Scopus của Trường là trên **13.000** công bố (tính đến tháng 02/2025), trong đó số công bố của Nhà trường được đăng trên các tạp chí được xếp hạng Q1, Q2 đạt gần **65%**. Tháng 11/2024, tổ chức Times Higher Education (THE) lần đầu tiên công bố **Bảng xếp hạng Khoa học Liên ngành 2025** (Interdisciplinary Science Rankings), nhằm đánh giá các trường đại học toàn cầu về đóng góp và cam kết đối với nghiên cứu khoa học liên ngành. Theo kết quả xếp hạng này, TDTU xếp hạng **95** thế giới, trong tổng số 749 cơ sở giáo dục được xếp hạng. Đây là minh chứng rõ nét cho sự tiên phong của TDTU trong việc kết hợp các kiến thức, phương pháp từ nhiều lĩnh vực để thực hiện các nghiên cứu mang tính đột phá, có giá trị khoa học và ứng dụng cao. Thành tích này khẳng định cam kết của Nhà trường trong việc phát triển KHCN theo hướng bền vững, gắn liền với xu hướng hội nhập quốc tế.

- **Về thực hiện đề tài KHCN:** Nhà trường rất chú trọng phát triển nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, thường xuyên triển khai các thông báo kêu gọi về đề tài/dự án nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ của các tổ chức trong và ngoài nước; hoạt động chuyển giao, tư vấn dịch vụ kỹ thuật, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện theo đơn đặt hàng của đơn vị ngoài Trường. Trong giai đoạn 2020-2024, Nhà trường đã thực hiện nhiệm vụ **20** đề tài KHCN với các cấp, cụ thể: **07** đề tài cấp Nhà nước (NAFOSTED), **05** đề tài cấp bộ, **08** đề tài cấp Tỉnh, Thành phố theo Chương trình hợp tác giữa TDTU và các tỉnh Lâm Đồng, Bình Định, Bình Phước, An Giang, Gia Lai, Quảng Ngãi.... Giảng viên, nghiên cứu viên cũng như các Trung tâm KHCN của Trường luôn tích cực tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức ngoài Trường. Tổng kết trong giai đoạn 2020-2024, Nhà trường đã thực hiện **trên 200** đề tài ngoài Trường với tổng số tiền trên **20** tỷ đồng, **27** dự án quốc tế với tổng kinh phí là **11,7** tỷ đồng. Hàng năm, Nhà trường cũng triển khai tài trợ,

hỗ trợ kinh phí cho giảng viên thực hiện các đề tài trong Trường, cụ thể Nhà trường đã tài trợ cho **76** đề tài khoa học cấp cơ sở với tổng kinh phí gần **03** tỷ đồng.

- **Về Tạp chí quốc tế:** Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh phát triển **02** tạp chí quốc tế, trong đó tạp chí Journal of Information and Telecommunication (**JIT**) đã được đưa vào cơ sở dữ liệu WoS, trong danh mục Emerging Sources Citation Index (ESCI, Q1) với chỉ số Impact Factor (IF) là 2.7, mục tiêu trong thời gian tới là ổn định trong cơ sở dữ liệu WoS và lộ trình thuộc danh mục SCIE; Tạp chí **Công nghệ tiên tiến và tính toán** (Journal of Advanced Engineering and Computation (**JAEC**)) đã được Hội đồng Giáo sư Nhà nước ngành Cơ học tính 1 điểm, mục tiêu vào cơ sở dữ liệu Scopus.

- **Về sáng chế:** TDTU là một trong những trường Đại học đầu tiên tại Việt Nam được Cục sáng chế và nhãn hiệu thương mại Hoa Kỳ (United States Patent and Trademark Office - USPTO) cấp Bằng sáng chế khoa học công nghệ; Tính đến năm 2024, Nhà trường có **15** bằng sáng chế và nhãn hiệu của USPTO; Tính riêng trong 5 năm vừa qua, Nhà trường có **10** bằng sáng chế được cấp mới.

- **Về Hội thảo quốc tế:** Nhà trường luôn tích cực phối hợp với các đại học và tổ chức khoa học danh tiếng của nước ngoài tổ chức nhiều hội thảo quốc tế lớn, quan trọng. Tính đến nay, Trường đã tổ chức thành công trên **60** hội thảo quốc tế, riêng trong giai đoạn từ năm 2020-2024 Nhà trường đã tổ chức thành công **35** hội thảo quốc tế. Đến nay, nhiều hội thảo lớn do Trường khởi xướng và tổ chức đầu tiên tại TDTU đã trở thành Hội thảo quốc tế thường niên của ngành và được luân phiên tổ chức ở mỗi quốc gia khác nhau trên thế giới như Hội thảo AETA, CUTE, ICFE, AsiaPharm, ICAS..., kỹ yếu của hội thảo được đưa vào cơ sở dữ liệu WoS/Scopus.

- **Về Nghiên cứu khoa học (NCKH) sinh viên:** Hoạt động NCKH sinh viên luôn được Nhà trường chú trọng và quan tâm, trong giai đoạn 2020-2024, Nhà trường đã triển khai tài trợ cho **1.171** đề tài NCKH sinh viên với **3.168** sinh viên tham gia NCKH, riêng trong năm 2024, số lượng sinh viên tham gia NCKH là **1.047** với tổng số kinh phí hỗ trợ sinh viên thực hiện hoạt động NCKH là trên **4** tỷ đồng. Các đề tài NCKH của sinh viên TDTU đạt được giải cao trong các cuộc thi về KHCN dành cho sinh viên, như: Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Giải thưởng sinh viên Nghiên cứu khoa học – Eureka, giải thưởng Nữ sinh khoa học công nghệ... Đặc biệt trong giai đoạn 2020-2024, số lượng sinh viên bậc đại học và sau đại học đã tham gia NCKH và công bố công trình trên

các tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu WoS/Scopus tăng dần theo các năm. Đến nay, Nhà trường đã có **52** bài báo khoa học thuộc cơ sở dữ liệu WoS/Scopus có sinh viên là tác giả/đồng tác giả.

Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ban hành Kế hoạch phát triển 05 năm lần thứ 4 giai đoạn 2025-2030 với mục tiêu tổng quát: "*Chuyển đổi mô hình Trường đại học thành Đại học vào năm 2030 và tiếp tục định hướng xây dựng đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế*". Trường cũng đã đề ra các mục tiêu chi tiết, cụ thể cho từng đơn vị, đặc biệt nhấn mạnh vào nhiệm vụ phát triển KH-CN. Vào ngày 04/12/2024, TDTU đã chính thức khai trương Văn phòng Viện Công nghệ Tiên tiến (IAST) tại Hà Nội. Đây là một sự kiện quan trọng, đánh dấu bước tiến mới trong việc mở rộng phạm vi hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên toàn quốc. Cột mốc này đặt viên gạch, nền móng đầu tiên để TDTU mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên phạm vi cả nước. Trong thời gian tới, TDTU sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp quan trọng như: Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu nhằm tạo động lực mạnh mẽ cho giảng viên và nghiên cứu viên nâng cao năng lực nghiên cứu, công bố các công trình khoa học có giá trị và đóng góp tích cực vào sự phát triển học thuật của Trường; Đầu tư vào công nghệ và hạ tầng nghiên cứu, mở rộng hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu hiện đại, đảm bảo điều kiện tốt nhất để triển khai các đề tài và dự án KH-CN; Phát triển các lĩnh vực liên ngành tạo sự giao thoa và tích hợp giữa các lĩnh vực khoa học, từ đó tạo ra những nghiên cứu mang tính đột phá và đáp ứng các nhu cầu thực tiễn; Tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh các mối quan hệ hợp tác chiến lược trong NCKH và chuyển giao công nghệ với các đối tác toàn cầu, đồng thời mở rộng mạng lưới học thuật quốc tế; Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh với việc ưu tiên xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu có năng lực và uy tín cao, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn của Trường. Với những định hướng và hành động chiến lược này không chỉ khẳng định vai trò tiên phong của TDTU trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam mà còn đặt nền tảng vững chắc để Trường tiến xa hơn trên bản đồ học thuật quốc tế góp phần hoàn thành sứ mạng "*Giáo dục, nghiên cứu và sáng tạo vì sự phát triển toàn diện của con người và xã hội*".

1.1.3. Hoạt động hợp tác doanh nghiệp

Công tác kết nối hợp tác với các tổ chức/doanh nghiệp trong và ngoài nước luôn được

Trường quan tâm và chú trọng nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng mục tiêu và công việc của đơn vị trực thuộc từng giai đoạn trong kế hoạch phát triển 5 năm và cụ thể trong từng năm học.

Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và cựu sinh viên là đơn vị chức năng của Trường làm đầu mối để kết nối hợp tác với các tổ chức/doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước; Tổ chức nhiều hoạt động liên quan nhằm hỗ trợ, phục vụ cho sự phát triển của Nhà trường và tổ chức/doanh nghiệp cũng như hỗ trợ tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập và cơ hội việc làm phù hợp sau khi ra trường.

Đến nay, Nhà trường đã kết nối, hợp tác hơn 1000 tổ chức/doanh nghiệp, trong đó đã ký kết hợp tác toàn diện với 615 tổ chức/doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước và 05 địa phương (Bình Định, Gia Lai, Bình Thuận, Lâm Đồng và Quảng Ngãi), trong đó có 65% đơn vị là hoạt động về kinh doanh, 15% đơn vị là cơ sở đào tạo, 10% đơn vị là sức khỏe, 15 đơn vị là nghiên cứu chuyên sâu và còn lại là các đơn vị thuộc lĩnh vực khác. Các tổ chức/doanh nghiệp này đều có lĩnh vực hoạt động phù hợp với một hoặc nhiều ngành đào tạo của Nhà trường.

Các nội dung hợp tác chính với tổ chức/doanh nghiệp: Hỗ trợ sinh viên tham quan/thực tập chuyên đề/tập sự nghề nghiệp tại doanh nghiệp, tuyển dụng sinh viên, hỗ trợ Trường và Khoa về các chương trình kiểm định và góp ý CTĐT, tham gia soạn/phản biện ngân hàng đề thi, CTĐT và khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên đã tốt nghiệp từ Trường; Chương trình nói chuyện chuyên đề, hướng nghiệp, phát triển kỹ năng, khởi nghiệp,...cho sinh viên; Tài trợ học bổng cho sinh viên, tài trợ kinh phí, sản phẩm, v.v. cho các hoạt động của Trường và Khoa; Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu/chuyển giao công nghệ; Giới thiệu và sử dụng dịch vụ/sản phẩm và lĩnh vực khác mà cả hai bên cùng quan tâm. Đối với các địa phương thì phối hợp trong việc đào tạo/bồi dưỡng nguồn nhân lực, hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu/chuyển giao công nghệ, tuyển sinh, hợp tác tư vấn và xúc tiến đầu tư nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế tại địa phương.

Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức ngày hội việc làm, ngày hội doanh nghiệp, tọa đàm doanh nghiệp thường niên, ngày hội doanh nghiệp cựu sinh viên; Hỗ trợ hoạt động tư vấn, đào tạo chuyên môn cho doanh nghiệp cũng như các hoạt động phù hợp cho doanh nghiệp tại trường; Tổ chức các buổi họp mặt và giao lưu với các tổ chức doanh nghiệp thân hữu để thắt chặt mối quan hệ và gắn kết.

1.1.4. Hoạt động hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế của TDTU được phát triển ngày càng đa dạng và chuyên nghiệp trong liên kết đào tạo, trao đổi học thuật và hợp tác nghiên cứu với các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực và thế giới đã nâng cao uy tín quốc tế và góp phần thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Nhà trường. Tính đến tháng 02/2025, TDTU đã thiết lập được quan hệ đối tác với hơn 230 đối tác Trường Đại học đến từ 34 quốc gia trên thế giới. Trong số các trường đối tác mới thiết lập quan hệ, có nhiều đối tác là các cơ sở giáo dục đại học thuộc Top 800 các đại học hàng đầu thế giới (theo bảng xếp hạng THE, QS). Đặc biệt, TDTU là thành viên sáng lập của Hiệp hội đại học quốc tế UCI với sự tham gia của 9 trường đại học uy tín trên thế giới, để cùng nhau xây dựng một mạng lưới các đại học thân hữu, gắn kết phát triển giáo dục và khoa học công nghệ theo hướng bền vững. Thông qua UCI, TDTU đã khẳng định được uy tín và vai trò của mình trong việc tập hợp, khởi xướng, và lãnh đạo các hoạt động liên kết và hợp tác xuyên biên giới, góp phần giải quyết các vấn đề toàn cầu trong cộng đồng giáo dục quốc tế.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng thúc đẩy việc triển khai các hoạt động hợp tác với đối tác có nội dung liên quan đến 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, nhằm thể hiện trách nhiệm cộng đồng cũng như thực hiện đúng tinh thần hội nhập quốc tế của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường đón nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc và xúc tiến các chương trình hợp tác cụ thể trong nhiều lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; Ký kết các thỏa thuận hợp tác mới nhằm mở rộng hợp tác, liên kết với nhiều tổ chức giáo dục, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hoạt động tuyển sinh sinh viên quốc tế đến học tập dài hạn hoặc trao đổi ngắn hạn tại Trường góp phần tạo ra môi trường đa văn hóa, khuyến khích trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa và hiểu biết lẫn nhau.

TDTU luôn quan tâm thực hiện đa dạng hóa các hình thức hợp tác quốc tế, đẩy mạnh hoạt động trao đổi học thuật nhằm tạo cơ hội cho cán bộ, giảng viên và các nhà khoa học tiếp cận môi trường giáo dục và nghiên cứu quốc tế. Cụ thể, Nhà trường luôn quan tâm thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH thông qua ký kết bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài nhằm tạo hành lang pháp lý để triển khai các nội dung hợp tác, đưa mục tiêu hợp tác quốc tế vào nhiệm vụ của các đơn vị bao gồm: (1) trao đổi giảng viên/nghiên cứu viên; (2) trao đổi sinh viên; (3) tổ chức/đồng tổ chức và tham dự hội thảo, hội nghị, diễn đàn khoa học quốc tế; (4) hợp tác nghiên cứu và công bố quốc tế; và (5) hợp tác thực

hiện các dự án NCKH.

1.1.5. Cơ sở vật chất và học liệu

Trường Đại học Tôn Đức Thắng có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH theo chuẩn mực quốc tế. Nhà trường có đầy đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của người dạy và người học. Cụ thể, Trường có tổng cộng **387** hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng học đa phương tiện, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu với tổng diện tích sàn xây dựng trên **54.000 m²**. Các phòng học có quy mô và trang thiết bị khác nhau, phù hợp với từng loại môn học như các môn chung, các môn cơ sở, các môn chuyên ngành, tiếng Anh, tin học, v.v. Ngoài ra, tổng số trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với diện tích sàn xây dựng trên **100.000 m²**, đáp ứng đầy đủ yêu cầu thí nghiệm, thực hành của ngành đào tạo. Hàng năm, Nhà trường luôn thực hiện lập dự toán chi cho các hoạt động duy trì, nâng cấp những trang thiết bị, tài sản hiện hữu và mua sắm, trang bị mới cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nhằm phục vụ liên tục các hoạt động nghiên cứu khoa học; đảm bảo chất lượng đào tạo và phục vụ học tập, rèn luyện của sinh viên.

Trường Đại học Tôn Đức Thắng đầu tư Thư viện và nguồn học liệu, cơ sở dữ liệu để phục vụ cho hoạt động đào tạo và KHCN của Trường. Hiện nay, Thư viện đại học của Trường gồm có: Thư viện truyền cảm hứng, Thư viện TDTU Phân hiệu Khánh Hòa. Không gian vật lý và không gian số của Thư viện được bố trí kết hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, tăng khả năng tiếp cận của người học. Với diện tích thư viện gần **9.000 m²** thiết kế theo mô hình “Không gian học tập chung - Learning commons”, không gian mở nên mọi nơi trong Thư viện đều được xem là không gian đọc, không phân chia phòng đọc. Thư viện có thể phục vụ đồng thời trên **3.000 chỗ ngồi** từ 7 giờ 30 sáng đến 20 giờ tối, có khu vực tự học qua đêm 24/7. Bên cạnh đó, Thư viện còn có trên **240 máy tính** được kết nối mạng internet để phục vụ nhu cầu tra cứu và khai thác tài liệu của người sử dụng.

Thư viện có hệ thống phần mềm quản lý và các ứng dụng cũng như giải pháp có khả năng chia sẻ, dùng chung tài nguyên điện tử/số, cơ sở dữ liệu giữa các Thư viện thành viên. Thư viện có hệ thống tra cứu mạnh mẽ với giao diện người dùng dễ sử dụng. Máy tìm kiếm (Search Engine) của Thư viện được tích hợp ngay tại trang chủ website Thư viện

(<http://lib.tdtu.edu.vn/>) với hai ngôn ngữ hiển thị chính là tiếng Việt và tiếng Anh. Người sử dụng có thể tra cứu thông tin chi tiết của tất cả tài liệu trong Thư viện thông qua mục lục công cộng trực tuyến (OPAC), biết được vị trí, chính sách của từng tài liệu cụ thể và các điều kiện để có thể sử dụng tài liệu dạng in, tài liệu điện tử, tài liệu số. Nguồn tài nguyên của Thư viện được bổ sung và cập nhật liên tục hàng năm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu của cộng đồng người sử dụng TDTU. Tài liệu mới của Thư viện được cập nhật liên tục và xuất hiện trên hệ thống tra cứu trong vòng 24 giờ, bảo đảm người sử dụng có thể truy cập đến và sử dụng những tài liệu mới nhất. Nguồn tài nguyên Thư viện gồm **158.912** tài liệu được biên mục đầy đủ, người sử dụng Thư viện truy cập thông qua hệ thống tra cứu của Thư viện với tài khoản đã được cấp phép. Người học cũng có thể truy cập vào **501** cơ sở dữ liệu, bao gồm cả những cơ sở dữ liệu truy cập mở (open access databases) và cơ sở dữ liệu đăng ký (subscribed databases: Web of Science, MathSciNet, TVPL Pro X) được tích hợp vào một giao diện tìm kiếm chung, phục vụ học tập và nghiên cứu. Thông qua hệ thống quản lý tài nguyên khóa học và đội ngũ cán bộ tài nguyên làm việc trực tiếp với các khoa, Thư viện cung cấp cho người học khả năng truy cập đến tài liệu phục vụ cho từng môn học gồm giáo trình, tài liệu tham khảo, hệ thống bài tập, đề cương chi tiết, slide bài giảng và kênh thông kê tự động các số liệu sử dụng Thư viện để giảng viên giảng dạy chủ động theo dõi tình hình sinh viên khai thác tài nguyên khóa học. Phục vụ cho mục tiêu chuyển đổi số trong dạy và học, Thư viện tiếp tục được đầu tư nhiều bộ sưu tập tài nguyên số và tài nguyên điện tử để đảm bảo người dạy và người học truy cập nguồn tài nguyên này mọi lúc mọi nơi một cách hiệu quả nhất. Tính đến tháng 8/2024, nguồn tài nguyên học thuật tại TDTU có **682.320** tài liệu số/tài liệu điện tử từ nguồn mở, nguồn mua, nguồn số hóa và nguồn nội sinh, trong đó video bài giảng điện tử phục vụ trực tiếp cho các môn học do TDTU tự xây dựng có **349** video. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng hệ thống tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources-OER) và đưa ra phục vụ rộng rãi cho cộng đồng. Hệ thống này được phát triển và cập nhật liên tục về nguồn học liệu mở. Đến tháng 8/2024, bộ sưu tập OER do TDTU xây dựng có 4.778 tài liệu toàn văn/30 ngành cho giáo dục đại học. Ứng dụng tìm kiếm và khai thác tài nguyên giáo dục mở do TDTU xây dựng cho phép truy cập từ xa thông qua máy tính hoặc các thiết bị di động có kết nối internet, đáp ứng các nhu cầu đọc để mở mang kiến thức và hướng đến xã hội học tập suốt đời. Mức độ sử dụng tài liệu cho phép tuân theo Giấy phép

truy cập mở quốc tế và các loại giấy phép truy cập mở của Creative Commons (<https://oer.tdtu.edu.vn/>).

Hiện tại, Thư viện đã trang bị sẵn 7.153 tài liệu (tiếng Việt và tiếng Anh) hỗ trợ các môn học cơ sở và cơ sở ngành, ngành thuộc CTĐT đề xuất mở ngành Du lịch.

1.2. Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn

1.2.1. Hoạt động đào tạo

Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn (KHXH&NV) là một trong những khoa chủ lực của Trường, được thành lập ngay từ những ngày đầu thành lập Trường (24/09/1997), đến nay Khoa KHXH&NV có những bước phát triển ấn tượng cả về số lượng và chất lượng các ngành đào tạo.

Khoa KHXH&NV đào tạo 4 ngành bậc đại học chủ lực gồm: ngành Xã hội học, ngành Công tác xã hội, ngành Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch và Lữ hành; chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch) và ngành Việt Nam học chuyên ngành Việt ngữ học và văn hóa xã hội Việt Nam (dành cho người nước ngoài). Trong đó, ngành Việt Nam học chuyên ngành Du lịch và Lữ hành có kinh nghiệm đào tạo 18 năm; Việt Nam học chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch có kinh nghiệm đào tạo 10 năm; ngành Xã hội học có kinh nghiệm đào tạo 27 năm; ngành Công tác xã hội đào tạo được 9 năm. Với kinh nghiệm đào tạo và chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp của Khoa luôn đạt mức cao (99%-100%). Đối với hệ đào tạo sau đại học, Khoa đang đào tạo ngành Xã hội học trình độ thạc sĩ với kinh nghiệm đào tạo 7 năm.

Như vậy, Khoa KHXH&NV đã có kinh nghiệm đào tạo ngành thuộc khối Khoa học xã hội, ngành gần với ngành đề xuất mở. Đặc biệt, Khoa đã đào tạo ngành Việt Nam học chuyên ngành Du lịch và Lữ hành, chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch; các chương trình này đã đạt được chuẩn chất lượng kiểm định FIBAA. Với kinh nghiệm đào tạo ngành gần và chuyên ngành Du lịch, Khoa KHXH&NV có đủ năng lực để xây dựng CTĐT ngành Du lịch, cập nhật thực tiễn giúp người học có đủ kiến thức và kỹ năng khi ra trường, có khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp.

Ngoài ra, CTĐT ngành Du lịch còn được xây dựng dựa trên cơ sở đối sánh chương trình với các đại học có thứ hạng cao trên thế giới như Trường Đại học Bách khoa Hong Kong (PolyU), Đại học Dịch vụ và lữ hành Cao Hùng (Đài Loan), Trường Đại học Mahidol (Thái Lan)... và các trường đại học trong nước như Trường Đại học Khoa học

xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Văn hóa TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.... Đây là những cơ sở đào tạo có kinh nghiệm lâu năm về đào tạo ngành Du lịch.

Nhằm nâng cao áp dụng kiến thức thực tiễn cho người học sau tốt nghiệp, CTĐT mới tham khảo kết quả khảo sát doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực trong ngành Du lịch tại Việt Nam. Theo đó, chương trình dự kiến cung cấp cho người học khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành Du lịch. Khối kiến thức cơ sở cung cấp cho sinh viên kiến thức chung thuộc khối ngành Khoa học cơ bản và khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh. Khối kiến thức cơ sở ngành gồm các môn học liên quan đến tri thức nền tảng thuộc khối ngành Xã hội và Du lịch, như các môn: Nhập môn xã hội học, Lịch sử văn minh thế giới, Phương pháp nghiên cứu trong du lịch, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Đạo đức và trách nhiệm xã hội, Tổng quan về thống kê trong kinh tế, Tổng quan du lịch, Kinh tế du lịch, Luật du lịch. Khối kiến thức chuyên ngành gồm các môn như: Xã hội học du lịch, Quản trị lữ hành, Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch, Marketing du lịch, Thiết kế và điều hành tour, Quản lý điểm đến, các môn liên quan đến tuyến điểm, thực hành tuyến điểm, thực hành quản lý du lịch... Riêng các môn tự chọn chuyên ngành sẽ hướng đến: định hướng nghiên cứu chuyên ngành hướng dẫn du lịch, định hướng quản trị du lịch, và định hướng thực hành du lịch chuyên sâu.

1.2.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Khoa KHXH&NV luôn đề cao công tác NCKH của giảng viên, đây là một nhiệm vụ quan trọng gắn liền với công tác giảng dạy của giảng viên. Khoa đã thành lập nhóm nghiên cứu GIST, nhóm nghiên cứu này được Nhà trường tạo điều kiện tối đa về cơ chế, cơ sở vật chất để có thể thực hiện nghiên cứu thuận lợi, hiệu quả.

Để nâng cao khả năng NCKH, Khoa đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học, trong đó có nhiều hội thảo quốc tế thu hút nhiều học giả, chuyên gia, giáo sư từ nhiều trường đại học trên thế giới tham dự. Đặc biệt đã có 2 Hội thảo quốc tế với chủ đề về du lịch gắn với ngành đề xuất mở. Đó là Hội thảo quốc tế Giáo dục và Hội nhập xã hội (ICESI 2016), dành một nội dung riêng về những vấn đề trong du lịch; Hội thảo quốc tế về Du lịch và Du lịch biển (TMT 2017). Trong 5 năm gần nhất, Khoa KHXH&NV đã tổ chức 3 hội thảo quốc tế ISSH 2019, ISSH 2021, ISSH 2024 “Những kết quả nghiên cứu mới trong Khoa học xã hội và nhân văn” đồng tổ chức với Đại học Melbourne (Úc), Đại học Jadavpur (Ấn Độ), Đại học

Walailak (Thái Lan), Đại học London Metropolitan (Anh), Đại học Kinh tế cao cấp (Nga), Đại học Công nghệ Kaunas (Lithuania) và Đại học Y học bản địa Gampaha Wickramarachchi (Sri Lanka). Các chủ đề trình bày trong hội thảo này bao gồm các vấn đề về nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và ngành Du lịch nói riêng.

Hàng tuần, Khoa KHXH&NV tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật và câu lạc bộ học thuật (Journal Club) (bảng 1.2). Cụ thể, sinh hoạt học thuật là buổi báo cáo tập trung phân tích và chia sẻ các công trình nghiên cứu của các giảng viên trong Khoa. Journal Club là hoạt động sinh hoạt khoa học, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu, giao lưu và trao đổi kỹ năng phương pháp nghiên cứu KHCN từ các kết quả nghiên cứu mới nhất và kinh điển (tài liệu báo cáo tại Journal Club là các bài báo khoa học quốc tế ISI/Scopus).

Bảng 1.2. Số buổi sinh hoạt học thuật và Journal Club tại Khoa KHXH&NV

STT	Năm học	Số buổi sinh hoạt học thuật	Số buổi Journal club
1	2021-2022	20	18
2	2022-2023	22	19
3	2023-2024	22	18
	Tổng cộng	64	55

Mặt khác, Nhà trường cũng tạo nhiều cơ hội cho cán bộ, giảng viên của Khoa được đi tham quan, trao đổi chuyên môn, dự hội thảo, trao đổi học thuật và nâng cao chuyên môn dài hạn (thạc sĩ, tiến sĩ) và ngắn hạn ở nước ngoài, đồng thời mời các chuyên gia, giáo sư nước ngoài về trao đổi học thuật tại Khoa. Khoa KHXH&NV đã khẳng định vị trí của mình trong sự phát triển qua các hoạt động giảng dạy, NCKH, từng bước tiếp cận với những đối tác hoạt động trong lĩnh vực Khoa học xã hội và thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế như: phối hợp với nhiều Trường đại học lớn trên thế giới đồng tổ chức Hội thảo quốc tế ISSH 2019, ISSH 2021, ISSH 2024 ... làm tiền đề tiếp cận để tham gia vào các mạng lưới học thuật quốc tế.

Từ năm 2014 đến nay, Khoa có hơn **91** bài báo/công trình công bố quốc tế, trong đó hơn **29** bài đăng tại các tạp chí ISI và Scopus; hơn **14** bài đăng trên các tạp chí quốc tế; hơn **38** bài in trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế và công bố trong tạp chí nước ngoài có chỉ số ISSN do các nhà xuất bản quốc tế phát hành. Trong đó, giảng viên bộ môn Du lịch - chuyên ngành Du lịch cũng tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và được công bố trên các tạp chí hội thảo uy tín trong và ngoài nước (*Mục 2.2-Phụ lục 10*).

Trong 05 năm trở lại đây, Khoa có **04** đề tài nghiên cứu cấp tỉnh, trong đó **02** đề tài đã được nghiệm thu và **02** đề tài đang thực hiện. Khoa có **02** đề tài cấp cơ sở đã được nghiệm thu.

Ngoài ra, hàng năm Khoa KHXH&NV tích cực triển khai công tác NCKH sinh viên, và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả là số lượng nhóm sinh viên tham gia NCKH tăng dần trong những năm gần đây. Cụ thể, 7 năm gần đây số lượng sinh viên tham gia NCKH ngày càng tăng về số lượng lẫn chất lượng (bảng 1.3).

Bảng 1.3. Số lượng sinh viên Khoa KHXH&NV tham gia nghiên cứu khoa học (trong đó chiếm đa số là những đề tài khai thác về lĩnh vực du lịch)

Stt	Năm học	Số nhóm NCKH sinh viên	Số sinh viên tham gia NCKH
1	2018-2019	10	26
2	2019-2020	8	22
3	2020-2021	9	24
4	2021-2022	9	24
5	2022-2023	10	31
6	2023-2024	15	44
	Tổng cộng	61	171

Kết quả NCKH sinh viên Khoa KHXH&NV đạt được nhiều kết quả tích cực như giải Nhất, giải Nhì, giải Ba NCKH sinh viên cấp Trường. Đặc biệt, một số công trình NCKH sinh viên tiêu biểu được đề cử tham gia dự giải cấp TP.HCM, cấp Bộ và đạt giải cao (giải Nhất Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka lần thứ 23 năm 2021). 06 công trình NCKH do sinh viên và giảng viên viết bài khoa học và công bố quốc tế, các chủ đề liên quan đến ngành Du lịch. Trên cơ sở đó, sinh viên ngành đào tạo đề xuất mở có cơ hội lớn tham gia NCKH cùng với giảng viên Khoa KHXH&NV nhằm khám phá tri thức khoa học, đồng thời tạo nền tảng nghiên cứu cần thiết để sinh viên có thể học tiếp lên các bậc học cao hơn. Nhờ đẩy mạnh các hoạt động NCKH nêu trên, đến nay Khoa KHXH&NV có nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí uy tín trên thế giới.

1.2.3. Hoạt động hợp tác doanh nghiệp

Từ chủ trương Nhà trường ngay từ khi thành lập, Khoa KHXH&NV luôn chú trọng kết nối và triển khai ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với gần 100 doanh nghiệp, trong đó có nhiều doanh nghiệp lớn ngành Du lịch. Điểm nổi bật là các doanh nghiệp hợp tác với Khoa KHXH&NV hoạt động rộng khắp trên cả nước, trong nhiều lĩnh vực chính của

ngành Du lịch: các công ty dịch vụ lữ hành, các doanh nghiệp lưu trú, ẩm thực nhà hàng – khách sạn lớn, các công ty chuyên tổ chức sự kiện, các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, các khu vui chơi giải trí.... Sự đa dạng ngành nghề của các doanh nghiệp thân hữu của Khoa KHXH&NV giúp sinh viên có cơ hội được tham quan thực tế các hoạt động trong lĩnh vực du lịch của ngành đào tạo đề xuất mở.

Ngoài ra, Khoa ký quan hệ thân hữu với các Trung tâm xã hội, Viện nghiên cứu, các Sở Du lịch ban ngành, tham gia các Hiệp hội Du lịch... nhằm giúp sinh viên ngành Du lịch có điều kiện kiến tập, thực tập và nắm bắt thêm các công việc liên quan công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.

Vì vậy, kết quả hợp tác doanh nghiệp hiện nay tại Khoa KHXH&NV đảm bảo sinh viên ngành đào tạo mới Du lịch có nhiều thuận lợi tham gia thực tập, kiến tập, trau dồi kiến thức thực tiễn trong hoạt động du lịch tại các doanh nghiệp thân hữu và cơ quan quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, lực lượng chuyên gia và doanh nghiệp bên ngoài tham gia vào hoạt động đào tạo hiện nay tại Khoa (góp ý xây dựng CTĐT, giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp,...) giúp sinh viên ngành Du lịch có cơ hội được tiếp cận nhiều kiến thức thực tiễn từ các chuyên gia doanh nghiệp.

Bảng 1.4: Danh sách doanh nghiệp thân hữu ngành Du lịch hợp tác với Khoa KHXH&NV

STT	Doanh nghiệp	Hợp tác đào tạo	
		Tên học phần	Thời gian
1	Công ty TNHH Thường Nhật - Sai Gon Waterbus	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
2	HTX Vận tải và Du lịch Thanh Sơn	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
3	DK Brothers International Service Joint Stock Company	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
4	Công ty TNHH Viona Travel	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
5	Công ty TNHH Một Thành Viên Khách Sạn Quốc Tế Bình Minh - Pullman Saigon Centre	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
6	International Diplomat Corporation	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4

STT	Doanh nghiệp	Hợp tác đào tạo	
		Tên học phần	Thời gian
7	Công ty Liên Doanh Khách Sạn Sài Gòn INN - Khách Sạn New World Sài Gòn	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
8	Khách Sạn The Myst Dong Khoi	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
9	Công ty TNHH Một Thành Viên Du lịch Thương Mại Kỳ Hòa	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
10	Công ty Liên Doanh Hữu Hạn Khách Sạn Chains Caravelle	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
11	Muong Thanh Luxury Sai Gon Hotel	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
12	Khách Sạn Rex (Rex Hotel)	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
13	Chi Nhánh Công ty CP Dịch Vụ Du lịch Bến Thành - Khách Sạn Viễn Đông	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
14	Chi Nhánh CTCP Quê Hương Liberty - Khách Sạn Liberty Central Saigon Centre	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
15	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Du lịch Orchids	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
16	Công ty TNHH Khách Sạn Đại Nam	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
17	Công ty TNHH Hotel Prague	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
18	Công ty CP Bông Sen	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
19	Chi Nhánh Công ty CP Quê Hương Liberty - Khách Sạn Pullman Saigon Centre	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
20	Khách Sạn Cửu Long (Majestic)	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4

STT	Doanh nghiệp	Hợp tác đào tạo	
		Tên học phần	Thời gian
21	Công ty TNHH Savills Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
22	Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Du lịch Ngôi Sao Việt	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
23	Chi Nhánh Công ty CP Royal Canary - Khách Sạn Le Méridien Saigon (Ntnn)	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
24	Khách Sạn Ibis Saigon South - Công ty CP Khách Sạn Việt Hàn	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
25	Công ty TNHH Luxel Apt	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
26	Công ty CP Việt Nam Booking	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
27	Chi Nhánh DNTN Nhà Hàng Khách Sạn Phương Thảo- Khách Sạn Happyland	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
28	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Du lịch Lữ Hành Vận Tải Sài Gòn Hà Nội	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
29	Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Khách Sạn Landmark 81	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
30	Khách Sạn Kim Đô (Royal Hotel Saigon)	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
31	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Du lịch Wow	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
32	Chi Nhánh Công ty CP In Hospitality - White Palace Võ Văn Kiệt	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
33	Công ty Cổ Phần Okela	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
34	Công ty TNHH Journey And Power Travel	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4

STT	Doanh nghiệp	Hợp tác đào tạo	
		Tên học phần	Thời gian
35	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Khách Sạn Hoàng Phong	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
36	Công ty CP Du lịch Công Đoàn	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
37	Công ty CP - Thương Mại - Dịch Vụ Du lịch Viettourist	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
38	Công ty TNHH Asiana Link	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
39	Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Du lịch Đất Việt	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
40	Công ty CP Du lịch Vietourist Holdings	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
41	Công ty TNHH Du lịch Lửa Việt	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
42	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Lữ Hành Saigontourist	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
43	Công ty CP Dịch Vụ Du lịch Bến Thành (Benthanhtourist)	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
44	Công ty CP Tourify	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
45	Công ty CP Fiditour	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
46	Công ty CP Dịch Vụ Du lịch Và Thương Mại Tugo	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
47	Công ty CP Lữ Hành Vietluxtour	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
48	Công ty TNHH Dịch Vụ Du lịch Top Ten	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
49	Công ty TNHH Pacific Travel	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
50	Công ty CP Du lịch Vtourist	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
51	Công ty CP Du lịch Độc Đảo	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4

STT	Doanh nghiệp	Hợp tác đào tạo	
		Tên học phần	Thời gian
52	Công ty CP Du lịch Và Tiếp Thị Giao Thông Vận Tải Việt Nam-Vietravel	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
53	Công ty TNHH Thường Nhật - Saigon Waterbus	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
54	Công ty TNHH Du lịch Vitamin Tours	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
55	Công ty TNHH Du lịch Và Sự Kiện J Travel	Học phần thực tế nghề nghiệp Tập sự nghề nghiệp	HK4 năm 2 HK8 năm 4
Tổng cộng: 55 doanh nghiệp			

1.2.4. Hoạt động hợp tác quốc tế

Để chuẩn bị cho việc mở ngành đào tạo Du lịch theo định hướng quốc tế, Khoa KHXH&NV đã ký hợp tác với Trường Đại học Ming Chuan (Đài Loan). Mục đích hợp tác cùng thực hiện các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên.

Các hoạt động hợp tác thực hiện cụ thể bao gồm: (1) trao đổi giảng viên và nghiên cứu viên; (2) trao đổi sinh viên; (3) tham dự hoặc/hay đồng tổ chức hội thảo khoa học và workshops; (4) đồng công bố quốc tế; (5) hợp tác thực hiện các dự án NCKH.

Khoa KHXH&NV tích cực thực hiện chương trình trao đổi sinh viên với nhiều đại học trên thế giới. Việc hợp tác quốc tế sâu rộng của Khoa và Nhà trường sẽ giúp người học ngành đào tạo mới có cơ hội giao lưu, phát triển học tập và NCKH với nhiều trường đại học hàng đầu trên thế giới. Cụ thể:

Bảng 1.5. Sự kiện hợp tác quốc tế của Khoa KHXH&NV về lĩnh vực du lịch

STT	Ngày	Sự kiện
1	06/02/2023	Khoa KHXH&NV, TDTU đã phối hợp với Trường Đại học Mahidol, Thái Lan tổ chức buổi định hướng trong nội dung chương trình trao đổi sinh viên với chủ đề “Du lịch sinh thái và chăm sóc sức khỏe”.
2	17/5/2023	Khoa KHXH&NV, TDTU đã tổ chức buổi trao đổi học thuật trực tuyến với chủ đề “Du lịch bền vững trong lĩnh vực MICE”.
3	23/5/2023	GS. Triyanto - Trường Đại học Sebelas Maret đã có chuyên thăm, làm việc với Lãnh đạo Khoa và giảng viên Khoa KHXH&NV.

STT	Ngày	Sự kiện
4	07/9/2023	Khoa KHXH&NV đã tổ chức chương trình giao lưu văn hoá với giảng viên và sinh viên Trường Đại học Bonn, Đức.
5	30/8/2023 đến 12/9/2023	Sinh viên Huỳnh Thành Phát và sinh viên Trần Đỗ Phương Thảo thuộc bộ môn Du lịch của Khoa KHXH&NV đã tham gia chương trình “Sawasdee Thailand 2023” tại Trường Đại học Mahidol, Thái Lan.
6	26/9/2023	Khoa KHXH&NV và Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ký kết thỏa thuận hợp tác Chương trình trao đổi sinh viên cấp Khoa với Khoa Nhân văn và Khoa học xã hội, Trường Đại học Nakhon Pathom Rajabhat (Thái Lan).
7	6/10/2023	Khoa KHXH&NV đã có buổi trao đổi về nội dung hợp tác Chương trình liên kết 2+2 với Đại học Ming Chuan, Đài Loan.
8	23/10/2023 đến ngày 6/11/2023	Khoa KHXH&NV tổ chức cho 154 sinh viên chương trình chất lượng cao tham gia học tập môn Quản lý chiến lược trong du lịch và Thực hành quản lý du lịch 2 tại Trường Đại học Nakhon Pathom Rajabhat (Thái Lan).
9	13/1/2024	Sinh viên chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch (Chương trình Chất lượng cao) đã có chuyến học tập môn học Hành vi tiêu dùng trong du lịch và Thực hành quản lý du lịch tại Trường Đại học Nakhon Pathom Rajabhat University (Thái Lan).
10	7/5/2024	Khoa KHXH&NV và Khoa Luật đã phối hợp tổ chức chương trình giao lưu văn hóa cho giảng viên và sinh viên Trường Đại học Diponegoro, Indonesia và Trường Đại học Nakhon Pathom Rajabhat, Thái Lan.
11	24/5/2024	Khoa KHXH&NV đã tổ chức tổng kết chương trình học tập ngắn hạn cho sinh viên Trường Đại học Nakhon Pathom Rajabhat (NPRU), Thái Lan.
12	09/10/2024	Khoa KHXH&NV đã tổ chức thành công chương trình giao lưu văn hóa với sự tham gia của 18 sinh viên tình nguyện quốc tế đến từ Tổ chức Outreach Vietnam.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO DU LỊCH

2.1. Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động

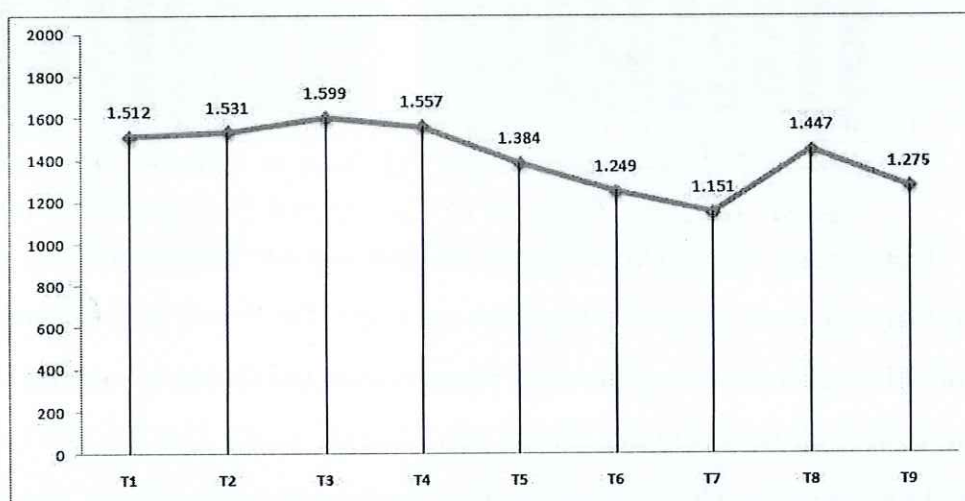
Ngày nay, du lịch thật sự đã trở thành một nhu cầu cơ bản của con người. Không phải ngẫu nhiên hầu hết các quốc gia trên thế giới đều xem ngành du lịch là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa. Theo Tổ chức Du lịch thế giới của Liên Hiệp Quốc (UNWTO), trong nhiều thập kỷ qua, ngành du lịch ngày càng phát triển, đa dạng về loại hình và là một trong những ngành kinh tế phát triển nhanh nhất trên thế giới, trở thành một động lực chủ yếu đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Những năm gần đây, du lịch Việt Nam có bước tiến ngoạn mục, được ghi nhận trên bản đồ du lịch thế giới. Trong năm 2023, ngành Du lịch Việt Nam đón 12,6 triệu lượt khách quốc tế, cao gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách đặt ra đầu năm (Bảng 2.1). Tín hiệu khởi sắc, tính đến 9 tháng đầu năm 2024, tổng số khách quốc tế đạt hơn 12,7 triệu lượt, tăng 43,0% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn con số 12,6 triệu lượt cả năm 2023 (Bảng 2.1).

Bảng 2.1. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam	15.497.791	18.008.591	3.686.779	14.900	3.661.222	12.602.434

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2023)



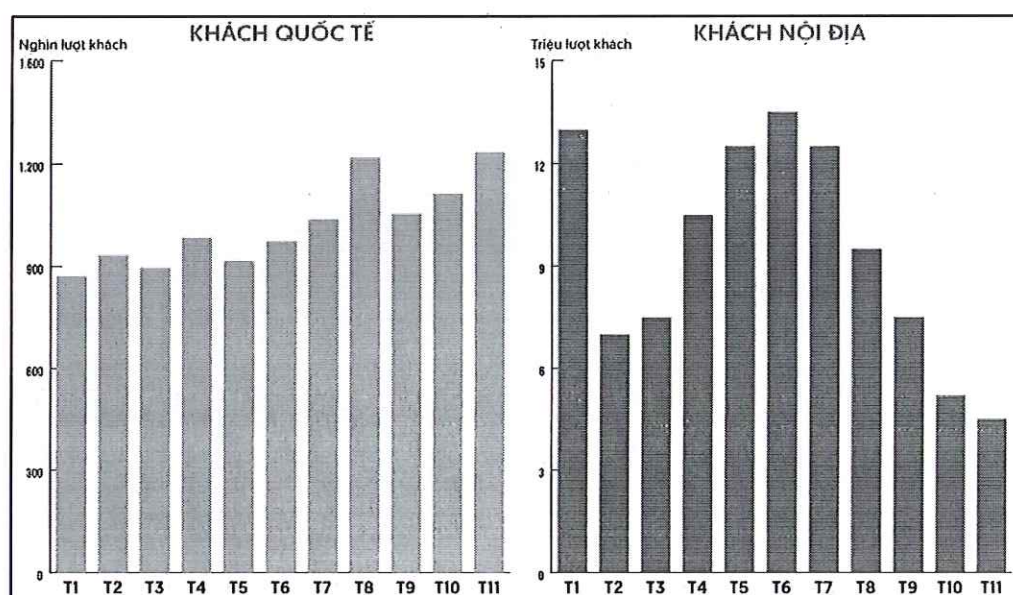
Biểu đồ 2.1. Khách quốc tế đến Việt Nam theo tháng, năm 2024 (nghìn lượt).

(Nguồn: Tổng cục Thống kê và Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, 2024)

Bên cạnh sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường khách quốc tế, thị trường du lịch nội địa cũng tăng trưởng mạnh mẽ (Biểu đồ 2.1). Theo thống kê của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), lượng khách du lịch nội địa cả năm 2023 đạt 108,2 triệu lượt người, vượt 5,8% so với kế hoạch đầu năm. Báo cáo của Tổng cục Thống kê cho thấy, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2023, đạt 673,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,8% tổng mức và tăng 14,7% so với năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 37,8 nghìn tỷ đồng và tăng 52,5% so với năm trước¹. Theo các chuyên gia du lịch, mức tăng trưởng này đạt được nhờ nhu cầu du lịch của người dân tăng cao sau một thời gian dài bị

¹ Thống kê của Cục du lịch Quốc Gia Việt Nam, <https://thongke.tourism.vn/>

ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Ngoài ra, trong thời gian vừa qua, nhiều sự kiện nổi bật diễn ra cũng giúp thu hút lượng du khách lớn.



Biểu đồ 2.2. Khách quốc tế đến Việt Nam và khách nội địa, năm 2023.

(Nguồn: Tổng cục Thống kê và Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, 2023)

Cũng trong năm 2023, du lịch Việt Nam tiếp tục khẳng định trên bản đồ du lịch thế giới, năng lực cạnh tranh tiếp tục được cải thiện. Tại lễ trao Giải thưởng Du lịch Thế giới (World Travel Awards)-giải thưởng được ví như giải Oscar của ngành Du lịch, Việt Nam được vinh danh là “Điểm đến Di sản hàng đầu thế giới”; Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam vinh dự nhận danh hiệu “Cơ quan quản lý du lịch hàng đầu châu Á” lần thứ 4. Nhiều điểm đến, doanh nghiệp du lịch Việt Nam đã nhận được các hạng mục giải thưởng danh giá khác. Đến nay, cả nước có 3.921 doanh nghiệp lữ hành quốc tế (tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2022)², với nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng hơn.

Kết quả này cho thấy nỗ lực vượt khó của ngành Du lịch sau thời gian dịch Covid - 19, song ngành vẫn chưa thể bứt phá vì còn nhiều khó khăn. Trong đó, mấu chốt là việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tại một hội thảo gần đây về nhân lực du lịch, các diễn giả cảnh báo sự thiếu hụt lớn về số lượng nhân lực du lịch sẽ diễn ra trong một vài năm tới. Bởi lẽ trong suốt 2 năm 2020 và 2021, tác động của dịch Covid-19 khiến cho việc thực hành kỹ năng nghề cho sinh viên du lịch hầu như không triển khai được. Khóa sinh viên tốt nghiệp trong

² <https://www.tuyengiao.vn/viet-nam-don-12-6-trieu-luat-khach-quoc-te-trong-nam-2023-152463>

2 năm (2020 và 2021) khó tìm việc làm theo đúng chuyên ngành do các Công ty lữ hành, khách sạn đóng cửa hoặc giảm quy mô hoạt động. Hơn nữa, giai đoạn 2020-2022, công tác tuyển sinh ngành Du lịch của các trường cũng bị giảm sút đáng kể, việc không ổn định đầu vào dẫn đến khó đảm bảo đầu ra cho ngành Du lịch³.

Mặt khác, theo số liệu của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, mỗi năm, toàn ngành cần khoảng 40.000 lao động, song thực tế hiện nay lượng sinh viên ra trường lĩnh vực du lịch hằng năm chỉ đạt khoảng 15.000 người, hơn 12% trong số này có trình độ cao đẳng, đại học trở lên⁴. Tại nhiều địa phương có ngành Du lịch phát triển mạnh, nguồn nhân lực luôn là vấn đề cốt lõi bởi lực lượng lao động, nhất là lao động trực tiếp thiếu trầm trọng, chưa kể đến chất lượng cũng chưa đáp ứng yêu cầu.

Chiến lược Phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 cũng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 về việc phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, trong đó đặt mục tiêu đến năm 2025, du lịch Việt Nam sẽ tạo ra khoảng 5,5 - 6 triệu việc làm, trong đó có khoảng 2 triệu việc làm trực tiếp. Đến năm 2030, ngành Du lịch sẽ tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm, trong đó có khoảng 3 triệu việc làm trực tiếp. Như vậy, thời gian tới, du lịch Việt Nam sẽ tiếp tục cần lượng lớn lao động làm việc trong các đơn vị, doanh nghiệp dịch vụ lĩnh vực du lịch.

Bên cạnh đó, theo Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Thông báo kết luận số 469/TB-VPCP ngày 06/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về tình hình đào tạo nhân lực du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) hướng dẫn cơ chế đặc thù đào tạo nhân lực ngành Du lịch trình độ đại học giai đoạn 2017-2020 theo hướng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo là điều kiện bắt buộc để được thực hiện cơ chế đặc thù này. Bộ GD&ĐT yêu cầu các đại học, học viện, các trường đại học có đào tạo các ngành về du lịch khẩn trương triển khai xây dựng Đề án áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo nhân lực du lịch trình độ đại học. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp

³ <https://daibieunhandan.vn/du-lich-tang-toc-nhung-con-nguyen-noi-lo-ve-nhan-luc-post348400.html>

⁴ Thống kê của Cục du lịch Quốc gia Việt Nam, <https://thongke.tourism.vn/>

chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững nhằm tiếp tục phát triển nguồn nhân lực du lịch hướng tới mục tiêu đủ số lượng, cân đối cơ cấu ngành nghề, bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

Từ các phân tích trên cho thấy, xu hướng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực du lịch rất lớn, thật sự rất cần thiết. Thị trường lao động hiện tại và tương lai của ngành Du lịch có nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ cao, có kiến thức chuyên môn tốt, có khả năng quản trị về ngành cũng như giỏi về nghiệp vụ, các kỹ năng quản trị và xu hướng quốc tế hóa trong hoạt động du lịch. Mặt khác, trong 5 chính sách phát triển du lịch bền vững, tại khoản 4, điều 5 của Luật Du lịch 2017, Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho việc Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch. Từ những cơ sở trên, với sứ mệnh và tầm nhìn giáo dục, Trường Đại học Tôn Đức Thắng là một trong những cơ sở đào tạo được xã hội tin nhiệm cao, với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn, quyết định đề nghị mở ngành đào tạo du lịch là phù hợp với nhu cầu thực tế và thực hiện được nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân thành phố ngày một lớn mạnh, đáp ứng được nhu cầu của thời đại.

2.2. Kết quả khảo sát và dự báo nhu cầu nhân lực

Kết quả khảo sát được thực hiện bởi Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Tôn Đức Thắng từ tháng 6/2024 đến tháng 8/2024 cho thấy, trong số 161 doanh nghiệp phản hồi khảo sát thì có đến hơn 90% doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng gấp nhân viên chuyên ngành Du lịch. Khảo sát cũng chỉ ra các tồn tại chính (phần kiến thức và kỹ năng làm việc) của nhân viên chuyên ngành Du lịch, thể hiện mức đánh giá từ trung bình đến rất kém chiếm tỷ lệ khá cao (bảng 2.2). Cụ thể, kiến thức quan trọng trong ngành Du lịch như: thiết kế và điều hành tour, quản lý chiến lược trong du lịch, marketing du lịch, quản lý điểm đến,... doanh nghiệp đánh giá chưa cao. Ngoại trừ kỹ năng sử dụng vi tính văn phòng (thể mạnh của các bạn trẻ hiện nay), các kỹ năng mềm quan trọng khác trong hoạt động nghề nghiệp du lịch như: kỹ năng tổ chức sự kiện, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng đàm phán, thương lượng và kỹ năng làm việc nhóm, các doanh nghiệp đánh giá chưa thực sự tốt. Vì vậy, 84,7% doanh nghiệp cho rằng phải thường xuyên đào tạo lại cho nhân viên làm quản lý du lịch, nghiệp vụ quản trị dịch vụ trong du lịch.

Bảng 2.2. Đánh giá của nhà tuyển dụng đối với nhân viên Du lịch

STT	Kiến thức/ Thái độ/ Kỹ năng hiện tại của nhân viên du lịch	Mức độ đánh giá (%)				
		Rất kém	Hơi kém	Trung bình	Khá tốt	Rất Tốt
I	Kiến thức					
1	Thiết kế và điều hành tour		5,9	52,9	38,3	2,9
2	Quản lý chiến lược trong du lịch	2,9	0	38,2	44,2	14,7
3	Quản lý điểm đến	0	14,7	32,3	47,1	5,9
4	Marketing du lịch	0	8,8	35,4	38,2	17,6
5	Quản lý nguồn nhân lực trong du lịch	0	8,8	32,4	50,0	8,8
II	Thái độ					
1	Sử dụng hiệu quả thời gian làm việc	0	5,9	38,2	47,1	8,8
2	Mức độ tận tụy với công việc	0	5,9	26,5	55,9	11,7
3	Đạo đức nghề nghiệp	0	0	20,6	58,8	20,6
4	Mức độ chấp nhận học hỏi, tìm hiểu thêm		2,9	26,5	52,9	17,7
III	Kỹ năng làm việc					
1	Kỹ năng đàm phán và thương lượng	0	17,6	55,9	17,7	8,8
2	Kỹ năng sử dụng các phần mềm máy tính	0	0	23,6	67,6	8,8
3	Kỹ năng giao tiếp	0	0	41,2	47,1	11,7
4	Kỹ năng làm việc nhóm	0	5,9	47,1	38,2	8,8
5	Kỹ năng tổ chức sự kiện	0	20,6	35,3	29,4	14,7
6	Kỹ năng xử lý tình huống	0	18,3	20,6	45,7	15,4

Ngoài ra, kết quả khảo sát chỉ ra các yêu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng đối với nhân viên trong hoạt động du lịch bao gồm: kiến thức về các loại hình du lịch cơ bản (85,3%), thông thạo về pháp lý trong lĩnh vực du lịch (100%) khả năng điều hành và thiết kế chương trình tour, phương thức quản trị chất lượng dịch vụ trong du lịch (91%), kiến thức về văn hóa, lịch sử di sản của dân tộc (91,2%) (bảng 2.3).

Bảng 2.3. Các yêu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng đối với nhân viên Du lịch

STT	Kiến thức/ Kỹ năng kỳ vọng của nhân viên Du lịch	Mức độ kỳ vọng (%)				
		Không cần thiết	Ít cần thiết	Cần thiết	Cần thiết nhiều	Rất cần thiết
I	Kiến thức					
1	Khả năng tính toán chương trình tour	2,9	32,5	52,9	8,8	2,9

STT	Kiến thức/ Kỹ năng kỳ vọng của nhân viên Du lịch	Mức độ kỳ vọng (%)				
		Không cần thiết	Ít cần thiết	Cần thiết	Cần thiết nhiều	Rất cần thiết
2	Hiểu biết cơ bản các loại hình du lịch: du lịch cộng đồng, du lịch bền vững,...	5,9	8,8	55,9	23,5	5,9
3	Hiểu biết, nắm bắt các quy định của pháp luật trong lĩnh vực du lịch	0	0	44,1	32,4	23,5
4	Khả năng điều hành và thiết kế chương trình du lịch	0	11,8	50	20,6	17,6
5	Khả năng quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2,9	2,9	47,1	26,5	20,6
6	Khả năng chăm sóc, dịch vụ khách hàng	0	9,1	57,6	18,2	15,2
7	Khả năng phân tích, thuyết minh về văn hóa, lịch sử di sản	0	8,7	41,2	23,5	26,5
II	Kỹ năng làm việc					
1	Khả năng quản trị	0	2,9	58,8	20,6	17,7
2	Khả năng tổ chức sắp xếp công việc	0	2,9	38,2	35,3	23,6
3	Khả năng làm việc nhóm	0	0	32,4	26,4	41,2

So với các quốc gia khác, mặc dù ngành Du lịch tại Việt Nam chỉ mới phát triển trong hai thập niên gần đây, nhưng kết quả khảo sát từ 218 đối tượng là cựu sinh viên ngành Việt Nam học, chuyên ngành Du lịch và Quản lý Du lịch và chuyên ngành Du lịch và Lữ hành đã tốt nghiệp và đi làm do Khoa KHXH&NV thực hiện từ tháng 6/2024 đến tháng 8/2024, cho thấy phần lớn người học đã có công việc có liên quan đến ngành được đào tạo, trong đó làm đúng ngành đào tạo chiếm 45%, công việc có liên quan ngành đào tạo chiếm 48,2%, và không đúng ngành đào tạo chỉ chiếm có 4,1%. Các loại hình hoạt động của cơ quan/đơn vị làm việc của người học đã tốt nghiệp rất đa dạng được thể hiện ở bảng 2.4.

Bảng 2.4. Các loại hình hoạt động của cơ quan/đơn vị làm việc của người học

TT	Loại hình hoạt động của cơ quan/đơn vị làm việc	Tỷ lệ %
1	Nhà nước (bao gồm doanh nghiệp nhà nước)	3,2
2	DN nước ngoài/liên doanh/đa quốc gia	9,6
3	DN lớn trong nước (như Tập đoàn/tổng công ty)	7,3
4	Loại hình các doanh nghiệp còn lại	79,4
5	Loại hình DN khác	0,0
6	Tự tạo việc làm	0,5

Kết quả khảo sát người học cũng cho thấy rằng sau một khoảng thời gian học tập tại Trường và đã tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế, người học đã đánh giá mức độ cần thiết về phẩm chất và năng lực của nhân sự du lịch cần phải có đầy đủ, từ năng lực chung như giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, có tinh thần và thái độ tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng được công nghệ thông tin vào công việc cho đến năng lực chuyên môn, được trang bị các kiến thức qua các môn học như Quản trị dịch vụ lữ hành, Quản trị rủi ro, Kỹ năng tổ chức sự kiện, Quản trị nhà hàng – khách sạn, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch... Từ đó hình thành nên năng lực nghề nghiệp để: thực hiện một cách hiệu quả việc điều hành tour du lịch, quản lý đoàn khách, hướng dẫn tham quan, thuyết minh, quản trị sự kiện,... cho khách hàng trong nước và quốc tế; thực hiện một cách hiệu quả hoạt động marketing du lịch và quản lý bán hàng; thực hiện một cách hiệu quả việc đánh giá nhu cầu, chăm sóc khách hàng, giải quyết khiếu nại, quản lý đa văn hoá; đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn, an ninh và sức khỏe cho đoàn khách, cá nhân và trong môi trường công việc; làm việc một cách độc lập và sáng tạo, phối hợp và dẫn dắt nhóm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phức tạp trong môi trường đa văn hoá và luôn thay đổi; vận dụng những kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, kinh doanh để tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp; thể hiện hiểu biết về môi trường công việc và khả năng thích nghi với nghề nghiệp; vận dụng được kiến thức và kỹ năng NCKH vào nghiên cứu phát hiện nhu cầu và thị trường, phát triển sản phẩm mới và mô hình kinh doanh du lịch; thể hiện ý tưởng kinh doanh và thử nghiệm thiết kế sản phẩm, dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch (xem mức độ đánh giá qua bảng 2.5).

Bảng 2.5. Đánh giá mức độ cần thiết về phẩm chất và năng lực của nhân sự du lịch cần phải có

TT	Các phẩm chất và năng lực	Mức độ cần thiết				
		Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
A	Phẩm chất					
1	Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0	0	0	25	75
2	Thể hiện trách nhiệm với bản thân, cộng đồng xung quanh, các vấn đề môi trường và tình hình thế giới.	0	0	0	45,3	54,7
B	Năng lực chung					
3	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và hội nhập quốc tế.	0	0	2,2	88,1	9,7
4	Thể hiện định hướng tương lai rõ ràng, ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và khát vọng phục vụ cộng đồng.	0	0	10	70	20
5	Viết được đề cương nghiên cứu và tiểu luận khoa học.	0	0	5	60,4	34,6
6	Sử dụng được một ngoại ngữ chính đạt trình độ trung cấp (bậc 3/6) trở lên trong công việc.	0	0	0	70,3	29,7
7	Sử dụng được một ngoại ngữ phụ phục vụ công việc.	0	0	10	60,3	29,7
8	Ứng dụng được công nghệ thông tin và công nghệ số vào công việc.	0	0	13,2	64,5	22,3
C	Năng lực chuyên môn					
9	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng Khoa học xã hội nhân văn, kinh tế và quản trị để đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp quản lý và khai thác có hiệu quả, trách nhiệm tài nguyên du lịch.	0	2,2	10,4	55,2	32,2

TT	Các phẩm chất và năng lực	Mức độ cần thiết				
		Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
10	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng Khoa học xã hội nhân văn, kinh tế và quản trị để nghiên cứu phát triển các sản phẩm du lịch quốc gia, vùng theo hướng “xanh”, phát huy giá trị văn hoá và xây dựng thương hiệu du lịch.	0	5,1	10,5	53,2	31,2
11	Vận dụng được kiến thức về xã hội, lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, pháp luật, môi trường và kỹ năng hướng dẫn du lịch để hoàn thành tốt các nhiệm vụ hướng dẫn viên du lịch trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và hội nhập quốc tế.	0	0	2,2	88,1	9,7
12	Vận dụng được kiến thức về chuyên ngành Du lịch và quản trị để thực hiện các nhiệm vụ quản lý du lịch, điều hành tour, thiết kế sản phẩm, tổ chức sự kiện,... trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và hội nhập quốc tế.	0	0	13,2	64,5	22,3
13	Thực hiện thành thạo và linh hoạt các kỹ năng chuyên môn (quản lý du lịch, quản trị sự kiện, lễ hành) giải quyết các tình huống thay đổi và đa văn hoá.	0	0	0	45,3	54,7
14	Thực hiện thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản lý, lãnh đạo, dẫn dắt nhóm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn trong môi trường luôn thay đổi.	0	0	2,2	88,1	9,7
15	Áp dụng nguyên tắc văn phòng “xanh”, phát triển sản phẩm du lịch, tổ chức và duy trì hoạt động du lịch có trách nhiệm.	0	0	2,2	88,1	9,7
D	Năng lực nghề nghiệp					
16	Thực hiện một cách hiệu quả việc điều hành tour du lịch, quản lý đoàn khách, hướng dẫn tham quan, thuyết minh, quản trị sự kiện,... cho khách hàng trong nước và quốc tế.	0	0	0	45,3	54,7

TT	Các phẩm chất và năng lực	Mức độ cần thiết				
		Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
17	Thực hiện một cách hiệu quả hoạt động marketing du lịch và quản lý bán hàng.	0	0	0	45,3	54,7
18	Thực hiện một cách hiệu quả việc đánh giá nhu cầu, chăm sóc khách hàng, giải quyết khiếu nại, quản lý đa văn hoá.	0	0	2,2	88,1	9,7
19	Đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn, an ninh và sức khỏe cho đoàn khách, cá nhân và trong môi trường công việc.	0	0	0	70,3	29,7
20	Làm việc một cách độc lập và sáng tạo, phối hợp và dẫn dắt nhóm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phức tạp trong môi trường đa văn hoá và luôn thay đổi.	0	0	13,2	64,5	22,3
21	Vận dụng những kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, kinh doanh để tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp.	0	0	13,2	64,5	22,3
22	Thể hiện hiểu biết về môi trường công việc và khả năng thích nghi với nghề nghiệp.	0	0	10	55,6	34,4
23	Vận dụng được kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học vào nghiên cứu phát hiện nhu cầu và thị trường, phát triển sản phẩm mới và mô hình kinh doanh du lịch.	0	0	2,2	88,1	9,7
24	Thể hiện ý tưởng kinh doanh và thử nghiệm thiết kế sản phẩm, dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch.	0	0	0	45,3	54,7

Ngoài ra, hơn 90% các doanh nghiệp được khảo sát cho rằng ngành Du lịch, các dịch vụ liên quan đến ngành du lịch có xu hướng phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam. Ngành Du lịch thật sự là ngành kinh tế mũi nhọn, với sự ra đời của nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lữ hành, cung ứng các dịch vụ du lịch. Đây là ngành kinh tế tổng hợp, mang nội dung văn hóa sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Chất lượng của hoạt động du lịch phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tiềm năng, tài nguyên du lịch, chất lượng của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành Du lịch và kết cấu hạ tầng,... nhưng quan trọng nhất là yếu

tổ con người - nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong quá trình đất nước mở cửa và hội nhập quốc tế như ngày nay.

2.3. Phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới

Trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á, hiện có nhiều trường đại học đào tạo ngành Du lịch, quản lý du lịch lâu năm như: Trường Đại học Khoa học Ứng Dụng Stenden (Hà Lan), Trường Đại học Bách khoa Hong Kong (PolyU), Trường Đại học Dịch vụ và Lễ hành Cao Hùng (Đài Loan), Trường Đại học Yonsei (Hàn Quốc), Trường Đại học Mahidol (Thái Lan), Trường Đại học Công nghệ NanYang (Singapore),...

Tại Việt Nam, hiện tại có số trường đại học đào tạo ngành Du lịch, nhưng vẫn chưa nhiều. Cụ thể, miền Bắc có các Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội; miền Trung có Đại học Huế, Trường Đại học Duy Tân, Trường Đại học Quy Nhơn; miền Nam có các Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM, Trường Đại học Công Thương, Trường Đại học Văn hóa TP.HCM,... Như vậy, với số lượng khoảng 15 cơ sở đào tạo ngành du lịch, còn khá khiêm tốn như hiện nay, hằng năm lượng sinh viên tốt nghiệp khoảng 700-900 sinh viên, không thể đáp ứng nhu cầu lớn của thị trường lao động về nhân lực chất lượng cao trong ngành Du lịch. Kết quả khảo sát 100% doanh nghiệp tái khẳng định sự thiếu hụt của lực lượng lao động du lịch hiện nay.

Từ khảo sát thực tế cho thấy, các doanh nghiệp du lịch phần lớn tuyển dụng các nhân viên hoạt động du lịch từ những ngành khác (ngoại ngữ, đông phương học, lịch sử, văn hóa học,...) để đảm nhiệm vai trò hướng dẫn viên, quản lý nhân sự, do gặp khó khăn trong việc tìm được ứng viên phù hợp, được đào tạo đúng chuyên ngành du lịch; đặc biệt là các vị trí quản lý trung và cao cấp. Chính vì vậy, đề xuất chủ trương phát triển ngành Du lịch nhằm đào tạo nhân lực chất lượng cao với chuyên môn quản lý du lịch, cũng như chuyên gia hướng dẫn du lịch phù hợp với bối cảnh và xu hướng phát triển chung ngành đào tạo trong nước và thế giới.

2.4. Sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo

Trường Đại học Tôn Đức Thắng là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với các trình độ đào tạo đại học, sau đại học. Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và thị trường lao động, các CTĐT của Trường được xây dựng và cập nhật theo yêu cầu của thị

trường lao động. Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 3530/KH-TĐT ngày 18/10/2024 về việc Phát triển ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học đến năm 2030.

Từ năm 2006, chuyên ngành Du lịch thuộc ngành Việt Nam học đã được triển khai đào tạo tại Khoa KHXH&NV. Ngoài chương trình tiêu chuẩn, ngành Việt Nam học còn đào tạo chương trình chất lượng cao (chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch), với chương trình này sinh viên có cơ hội đi học tập và giao lưu tại: Đài Loan (Đại học Nanhua), Singapore (Đại học Nanyang Polytechnic), Thái Lan (Đại học Nakhon Pathom Rajabhat),.... Năm 2020, ngành Việt Nam học triển khai CTĐT giảng dạy bằng tiếng Anh (chuyên ngành Du lịch và Quản lý du lịch).

Vì vậy, việc phát triển ngành Du lịch trình độ đại học không những đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, mà còn hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển chung ngành đào tạo trên thế giới, phù hợp với sự phát triển đa ngành và trình độ đào tạo hiện nay của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường và của Khoa KHXH&NV đã đề ra, cũng như phù hợp với chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

2.5. Khái quát chủ trương mở ngành đào tạo được Hội đồng Trường phê duyệt

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (sau đây gọi là Thông tư 02); Khoa KHXH&NV đã tiến hành khảo sát người học và nhu cầu thị trường về ngành Du lịch từ tháng 6/2024 đến tháng 8/2024, làm cơ sở xây dựng hồ sơ chủ trương mở ngành đào tạo Du lịch. Ngày 18/9/2024, Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng ban hành Quyết định số 3083/QĐ-TĐT về việc thành lập Tổ xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo Du lịch.

Trên cơ sở đó, Khoa KHXH&NV đã hoàn tất việc xây dựng hồ sơ Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo ngành Du lịch tuân thủ các quy định tại Điều 7 Thông tư 02. Hồ sơ Đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo gồm các nội dung chính: (1) Sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo; (2) Năng lực của cơ sở đào tạo; (3) Mục tiêu phát triển ngành đào tạo quản lý xây dựng; (4) Giải pháp và lộ trình thực hiện; và (5) Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro.

Hồ sơ đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được thẩm định theo quy định tại Quyết định số 2103/QĐ-TĐT ngày 08/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng về việc ban hành quy định hoạt động mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường. Hồ sơ Đề xuất chủ trương mở ngành Du lịch đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường (HĐKHĐT Trường) thông qua ngày 28/11/2024 theo đúng Thông tư 02 và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ GD&ĐT và ngày 18/12/2024 (sau đây gọi là Thông tư 12).

Ngày 18/12/2024, Nhà trường đã có tờ trình số 4292/TTr-TĐT báo cáo Hội đồng trường về việc xin chủ trương mở ngành đào tạo mới - ngành Du lịch theo quy định tại Điều 7 Thông tư 02.

Ngày 26/12/2024, Hội đồng trường Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ban hành Nghị quyết số 60/NQ-HĐT phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Du lịch, mã ngành 7810101 trình độ đại học.

III. ĐIỀU KIỆN VỀ CTĐT

3.1. Quá trình xây dựng CTĐT ngành Du lịch

Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã ban hành Quyết định số 3366/QĐ-TĐT ngày 07/10/2024 về việc thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT ngành Du lịch trình độ Đại học. Hội đồng xây dựng CTĐT có cơ cấu thành viên: 01 tiến sĩ ngành phù hợp, am hiểu về ngành Du lịch và đang tham gia quản lý đào tạo chuyên môn ngành Du lịch tại Khoa KHXH&NV là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT; 01 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp, là giảng viên cơ hữu, chủ trì giảng dạy CTĐT và 02 thạc sĩ có chuyên môn phù hợp, là giảng viên cơ hữu, có thâm niên giảng dạy. Ngoài ra, thành viên Hội đồng xây dựng có sự tham gia của các chuyên gia phát triển CTĐT (đại diện của Phòng Đại học); và chuyên gia bảo đảm chất lượng giáo dục đại học (đại diện Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng) của Nhà trường. Thành viên Hội đồng xây dựng còn có sự tham gia đại diện giới tuyển dụng lao động là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành Du lịch, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo, để góp ý trong quá trình xây dựng CTĐT phù hợp với thực tiễn hành nghề Du lịch sau khi tốt nghiệp. Hội đồng xây dựng CTĐT đã thực hiện xây dựng CTĐT tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT và Quyết định số 2104/QĐ-TĐT ngày 08/8/2022 của Trường

Đại học Tôn Đức Thắng về việc xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT ngành Du lịch trình độ đại học.

Các bước thực hiện xây dựng CTĐT như sau:

Bước 1: Khảo sát, nhằm xác định nhu cầu nhân lực ngành đào tạo Du lịch của thị trường lao động; lấy ý kiến của các bên liên quan (người sử dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp, sinh viên đang theo học,...) về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Bước 2: Xác định mục tiêu CTĐT Du lịch; xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT; chuẩn đầu vào của CTĐT.

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT ngành Du lịch, xây dựng CTĐT ngành Du lịch đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra; xác định các hoạt động ngoại khóa mang tính bắt buộc, đóng góp vào chuẩn đầu ra;

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành Du lịch với các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và thế giới để hoàn thiện CTĐT;

Bước 5: Xác định ma trận mức độ đóng góp các môn học hình thành chuẩn đầu ra;

Bước 6: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT ngành Du lịch đã xác định;

Bước 7: Tổ chức lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý Khoa KHXH&NV và một số giảng viên đầu ngành Du lịch của các trường tại TP.HCM, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về CTĐT;

Bước 8: Hoàn thiện dự thảo CTĐT ngành Du lịch trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa KHXH&NV (HĐKHĐT Khoa) xem xét, tiến hành các thủ tục thẩm định, thông qua ngày 11/01/2025.

Ngày 17/01/2025, Hội đồng thẩm định CTĐT (được thành lập theo Quyết định số 37/QĐ-TĐT ngày 03/01/2025) đã tiến hành thẩm định CTĐT theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ cấu thành viên Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch (tiến sĩ), 01 Thư ký (tiến sĩ), 02 Ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau (01 tiến sĩ Du lịch thuộc Trường Đại học Khánh Hòa và 01 tiến sĩ Du lịch thuộc Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng) và 02 Ủy viên Hội đồng người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động (chuyên ngành Du lịch là Phó Giám đốc Công ty TNHH du lịch Thiên Niên Kỷ và Giám đốc phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Lữ hành Vietluxtour). Đây là các chuyên gia am hiểu về ngành đào tạo Du lịch, có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT và bảo đảm chất

lượng giáo dục đại học. Các thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT không là thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT.

Nội dung thẩm định CTĐT gồm: (1) Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo; (2) Mục tiêu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình đào tạo; (3) Thời lượng của chương trình đào tạo; (4) Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước, đảm bảo đúng quy định của chuẩn CTĐT, phù hợp quy chế đào tạo và các quy định khác liên quan); (5) Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo) và các vấn đề khác (nếu có). Ngày 17/01/2025, Hội đồng thẩm định thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa theo các nội dung góp ý của Hội đồng thẩm định.

Trên cơ sở ý kiến phản biện của Hội đồng thẩm định, Hội đồng xây dựng CTĐT đã tiến hành họp, rà soát lần nữa, nhằm thống nhất các nội dung với Hội đồng thẩm định. Ngày 10/02/2025, Hội đồng xây dựng CTĐT đã tiếp thu ý kiến và hoàn thành việc điều chỉnh CTĐT theo góp ý của Hội đồng thẩm định.

Sau khi CTĐT đã được hoàn thành theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường, ngày 21/02/2025, Hội đồng Khoa học và Đào tạo (HĐKHĐT) Nhà trường đã tiến hành họp xem xét thông qua CTĐT ngành Du lịch. Căn cứ theo Biên bản họp thông qua CTĐT ngành Du lịch của HĐKHĐT Trường, Hiệu trưởng ban hành Quyết định số 578/QĐ-TĐT ngày 26/02/2025 về việc ban hành CTĐT ngành Du lịch (đính kèm CTĐT).

3.2. CTĐT ngành Du lịch

CTĐT ngành Du lịch được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế; chú trọng việc triển khai cho sinh viên tiếp cận thực hành nghề nghiệp trong thời gian đào tạo. CTĐT ngành Du lịch (7810101) với hai chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch và Quản lý du lịch. Chương trình được thiết kế theo kiểu đơn ngành. Đặc trưng của chương trình là có nhiều môn học mới, tính chuyên sâu, khả năng ứng dụng thực tế cao ở những môn chuyên ngành. Việc đánh giá chương trình được thực hiện theo quy trình của Nhà trường; ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động, cựu sinh viên; ý kiến của chuyên gia và các tổ chức kiểm định trên thế giới. Chương trình được thiết kế dựa trên sự đối sánh CTĐT của các trường Đại học có uy

tín trên thế giới với sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện giáo dục và nhu cầu nghề nghiệp tại Việt Nam. Thông tin chung về ngành đào tạo như sau:

3.2.1 Ngành Du lịch chuyên ngành Hướng dẫn du lịch

Tên ngành (Name of programme):

- Tên ngành tiếng Việt: Du lịch – Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch
- Tên ngành tiếng Anh: Tourism – Major in Tour Guide

Mã ngành tuyển sinh (Programme code): 7810101H

Văn bằng (Training degree): Cử nhân

Thời gian đào tạo (Training time): 4 năm

Hình thức đào tạo (Mode of study): Chính quy

Tiêu chí tuyển sinh (Admission criteria): Thí sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương đủ điều kiện nhập học theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và thông tin tuyển sinh đại học của Nhà trường.

Việc quản lý đào tạo thực hiện theo quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Nhà trường.

3.2.1.1 Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra CTĐT

Từ 3-5 năm sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành Du lịch chuyên ngành Hướng dẫn du lịch tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học đạt được các năng lực tại bảng 3.1:

Bảng 3.1: Mục tiêu đào tạo ngành Du lịch – Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch

STT	Mô tả mục tiêu đào tạo (PEOs)
1	PEO1: Trở thành hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp, chuyên viên xuất sắc trong lĩnh vực du lịch.
2	PEO2: Tạo lập được doanh nghiệp du lịch, cỡ hành vừa và nhỏ.
3	PEO3: Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học, có tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự học, và tiếp tục học ở những khóa học/chương trình học cao hơn.
4	PEO4: Khai thác được các sản phẩm du lịch, điều hành và thực hiện các chương trình tour trong và ngoài nước.
5	PEO5: Thành thạo các kỹ năng, nghiệp vụ nghề nghiệp, có chuyên môn tốt trong lĩnh vực du lịch với phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị đúng đắn và sức khỏe tốt.

Sau khi hoàn thành CTĐT Cử nhân ngành Du lịch chuyên ngành Hướng dẫn du lịch của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học phải đạt được chuẩn đầu ra (bảng 3.2) như sau:

Bảng 3.2: Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Du lịch - Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra	Thang đo
1	Kiến thức chung	PLO 1: Ứng dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp luận khoa học trong lĩnh vực du lịch.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO1 trong CTĐT Có chứng chỉ GDQP
2		PLO 2: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học để làm việc trong môi trường đa văn hoá và quốc tế.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO2 trong CTĐT Chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương và chứng chỉ MOS1, MOS2 đạt 750 điểm
3	Kiến thức chuyên môn	PLO 3: Ứng dụng kiến thức về lịch sử, văn hóa, địa lý và kỹ năng hướng dẫn để giải quyết các vấn đề cụ thể trong công tác thiết kế tour, tổ chức đoàn và xử lý tình huống phát sinh.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO3 trong CTĐT
4		PLO 4: Vận dụng những kiến thức chuyên ngành trong việc khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO4 trong CTĐT
5	Kỹ năng chuyên môn	PLO 5: Điều hành và thực hiện được các tour trong và ngoài nước.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO5 trong CTĐT
6		PLO 6: Vận dụng được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, đáp ứng nhu cầu du khách.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO6 trong CTĐT

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra	Thang đo
7	Kỹ năng chung	PLO 7: Thực hiện thành thạo kỹ năng thực hành nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO7 trong CTĐT Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn
8		PLO 8: Ứng dụng tư duy logic, hệ thống và năng lực nghiên cứu độc lập nhằm tối ưu hóa dịch vụ hướng dẫn, nâng cao trải nghiệm du lịch và giải quyết tình huống phát sinh trong hoạt động dẫn đoàn.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO8 trong CTĐT
9		PLO 9: Sử dụng thành thạo kỹ năng đàm phán, làm việc nhóm, thuyết trình, tổ chức sự kiện.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO9 trong CTĐT Tham gia đạt các chuyên đề của học phần Kỹ năng phát triển bền vững theo CTĐT
10	Thái độ và ý thức xã hội	PLO 10: Thể hiện tinh thần làm việc có trách nhiệm, thái độ cầu thị, ham học hỏi, khiêm tốn, chủ động trong tương tác với khách du lịch, đồng nghiệp và đối tác.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO10 trong CTĐT Đạt điểm rèn luyện theo quy chế công tác học sinh sinh viên

3.2.1.2 Cấu trúc CTĐT

Cấu trúc CTĐT gồm 2 khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bảng 3.3). Cụ thể, trong đó 35 tín chỉ bắt buộc của khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm các kiến thức về lý luận chính trị (11 tín chỉ), khoa học xã hội (2 tín chỉ), khoa học tự nhiên (4 tín chỉ), ngoại ngữ (10 tín chỉ), kỹ năng hỗ trợ (8 tín chỉ). Khối kiến thức này do các Khoa liên quan được Nhà trường phân công chuyên trách giảng dạy

các khối kiến thức giáo dục đại cương cho toàn bộ các ngành đào tạo tại Trường. Riêng Khoa KHXH&NV tập trung giảng dạy 96 tín chỉ của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các kiến thức cơ sở ngành (15 tín chỉ), kiến thức chuyên ngành (70 tín chỉ), và kiến thức thực tập và tốt nghiệp (11 tín chỉ).

Bảng 3.3: Cấu trúc CTĐT ngành Du lịch - chuyên ngành Hướng dẫn du lịch

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	35	35	0
Lý luận chính trị	11	11	0
Khoa học xã hội	2	2	0
Khoa học tự nhiên	4	4	0
Ngoại ngữ	10	10	0
Kỹ năng hỗ trợ	8	8	0
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	96	86	10
Kiến thức cơ sở ngành	15	15	0
Kiến thức chuyên ngành	70	60	10
Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp (tương đương)	11	11	0
Tổng cộng	131	121	10

Chương trình Cử nhân Du lịch Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch được thiết kế trong 4 năm học, chia thành 8 học kỳ. Từ học kỳ 3, sinh viên bắt đầu vào học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành với thời lượng thực hành thực tế chiếm hơn 30% tổng thời lượng đào tạo trong chương trình học. Ở học kỳ 8 sinh viên phải thực hiện các học phần tốt nghiệp gồm Học phần thay thế tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt nghiệp, Tập sự nghề nghiệp và thi Kỹ năng thực hành chuyên môn. Để đủ điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp,

sinh viên phải hoàn thành tất cả các môn theo đúng lộ trình đào tạo, đạt Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0.

3.2.2 Ngành Du lịch chuyên ngành Quản lý du lịch

Tên ngành (Name of programme):

- Tên ngành tiếng Việt: Du lịch – Chuyên ngành: Quản lý du lịch
- Tên ngành tiếng Anh: Tourism – Major in Tourism management

Mã ngành tuyển sinh (Programme code): 7810101

Văn bằng (Training degree): Cử nhân

Thời gian đào tạo (Training time): 4 năm

Hình thức đào tạo (Mode of study): Chính quy

Tiêu chí tuyển sinh (Admission criteria): Thí sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương đủ điều kiện nhập học theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức tuyển sinh: thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và thông tin tuyển sinh của Nhà trường.

Việc quản lý đào tạo thực hiện theo quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Nhà trường.

3.2.2.1 Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra CTĐT

Từ 3-5 năm sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành Du lịch chuyên ngành Quản lý du lịch tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học đạt được các năng lực tại bảng 3.4:

Bảng 3.4: Mục tiêu đào tạo ngành Du lịch - chuyên ngành Quản lý du lịch

STT	Mô tả mục tiêu đào tạo (PEOs)
1	PEO1: Trở thành nhà quản lý doanh nghiệp du lịch xuất sắc.
2	PEO2: Hoạch định được chiến lược kinh doanh và tạo lập được doanh nghiệp du lịch, lữ hành.
3	PEO3: Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học, có tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự học, và tiếp tục học ở những khóa học/chương trình học cao hơn.
4	PEO4: Tham gia các dự án, đề tài khoa học trong và ngoài nước.
5	PEO5: Trở thành nhà quản lý du lịch có trình độ chuyên môn tốt với phẩm chất đạo đức, chính trị, sức khỏe tốt.

Sau khi hoàn thành CTĐT Cử nhân ngành Du lịch chuyên ngành Quản lý du lịch của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, người học phải đạt được chuẩn đầu ra (bảng 3.5) như sau:

*Bảng 3.5: Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Du lịch -
Chuyên ngành Quản lý du lịch*

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra	Thang đo
1	Kiến thức chung	PLO 1: Ứng dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp luận khoa học trong quản lý nói chung và quản lý du lịch nói riêng.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO1 trong CTĐT Có chứng chỉ GDQP
2		PLO 2: Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học để làm việc trong môi trường đa văn hoá và quốc tế.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO2 trong CTĐT Chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương và chứng chỉ MOS1, MOS2 đạt 750 điểm
3	Kiến thức chuyên môn	PLO 3: Ứng dụng kiến thức chuyên môn về du lịch để giải quyết những vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý du lịch.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO3 trong CTĐT
4		PLO 4: Xây dựng sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu xã hội và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO4 trong CTĐT
5		PLO 5: Lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp du lịch.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO5 trong CTĐT
6	Kỹ năng chuyên môn	PLO 6: Vận dụng được những nguyên tắc, kỹ năng cơ bản trong việc cung cấp các dịch vụ du lịch có chất lượng, đáp ứng nhu cầu du khách.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO6 trong CTĐT
7		PLO 7: Nghiên cứu và xây dựng được sản phẩm mới trong dịch vụ du lịch, đảm bảo sự phát triển bền vững.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO7 trong CTĐT Đạt kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra	Thang đo
8	Kỹ năng chung	PLO 8: Phát triển tư duy khoa học, tư duy hệ thống và nghiên cứu độc lập.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO8 trong CTĐT
9		PLO 9: Sử dụng thành thạo kỹ năng đàm phán, làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp trong hoạt động du lịch.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO9 trong CTĐT Tham gia đạt các chuyên đề của học phần Kỹ năng phát triển bền vững theo CTĐT
10	Thái độ và ý thức xã hội	PLO 10: Nâng cao tinh thần làm việc có trách nhiệm, phát huy tính chủ động trong công việc, có thái độ cầu thị, ham học hỏi, khiêm tốn.	Đạt được các môn học theo ma trận tương quan của PLO10 trong CTĐT Đạt điểm rèn luyện theo quy chế công tác học sinh sinh viên

3.2.2.2 Cấu trúc CTĐT

Cấu trúc CTĐT gồm 2 khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bảng 3.6). Cụ thể, trong đó 35 tín chỉ bắt buộc của khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm các kiến thức về lý luận chính trị (11 tín chỉ), khoa học xã hội (2 tín chỉ), khoa học tự nhiên (4 tín chỉ), ngoại ngữ (10 tín chỉ), kỹ năng hỗ trợ (8 tín chỉ). Khối kiến thức này do các Khoa liên quan được Nhà trường phân công chuyên trách giảng dạy các khối kiến thức giáo dục đại cương cho toàn bộ các ngành đào tạo tại Trường. Riêng Khoa KHXH&NV tập trung giảng dạy 95 tín chỉ của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các kiến thức cơ sở ngành (18 tín chỉ), kiến thức chuyên ngành (66 tín chỉ), và kiến thức thực tập và tốt nghiệp (11 tín chỉ).

Bảng 3.6: Cấu trúc CTĐT ngành Du lịch - Chuyên ngành Quản lý du lịch

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	35	35	0
Lý luận chính trị	11	11	0
Khoa học xã hội	2	2	0

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Khoa học tự nhiên	4	4	0
Ngoại ngữ	10	10	0
Kỹ năng hỗ trợ	8	8	0
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	85	10
Kiến thức cơ sở ngành	18	18	0
Kiến thức chuyên ngành	66	56	10
Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp (tương đương) cử nhân	11	11	0
Tổng cộng cấp bằng cử nhân (bậc 6)	130	120	10

Chương trình Cử nhân Du lịch - Chuyên ngành Quản lý du lịch được thiết kế trong 4 năm học, chia thành 8 học kỳ. Từ học kỳ 3, sinh viên bắt đầu vào học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành với thời lượng thực hành thực tế chiếm hơn 30% tổng thời lượng đào tạo trong chương trình học. Ở học kỳ 8 sinh viên phải thực hiện các học phần tốt nghiệp gồm Học phần thay thế tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt nghiệp, Tập sự nghề nghiệp và thi Kỹ năng thực hành chuyên môn. Để đủ điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thành tất cả các môn theo đúng lộ trình đào tạo, đạt Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0.

3.2.3. Điểm nổi bật của CTĐT

CTĐT ngành Du lịch chuyên ngành Hướng dẫn du lịch và ngành Du lịch chuyên ngành Quản lý du lịch được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế, chú trọng việc triển khai cho sinh viên tiếp cận thực hành nghề nghiệp trong thời gian đào tạo nhằm giúp người học nhanh chóng thích nghi với thực tế và có thể làm việc trong các tổ chức du lịch, doanh nghiệp kinh doanh thuộc lĩnh vực du lịch, dịch vụ,... ngay sau khi tốt nghiệp.

Nội dung chương trình hiện đại, khoa học, bám sát nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và thị trường lao động hiện nay. Phương pháp giảng dạy hiện đại, liên tục đổi mới nhằm khuyến khích và phát huy tính sáng tạo của người học.

Sinh viên có cơ hội tham gia các hội thảo quốc tế, các buổi làm việc nhóm với sinh viên quốc tế để phát triển năng lực của mình, tích lũy kinh nghiệm thực tế và tiếp cận với môi trường tuyển dụng.

Tối thiểu 10% môn học chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh.

CTĐT có tính liên thông với các chương trình Sau Đại học của Khoa.

3.2.4. Kiểm định CTĐT

CTĐT ngành Du lịch chuyên ngành Hướng dẫn du lịch và ngành Du lịch chuyên ngành Quản lý du lịch được thiết kế dựa trên sự đối sánh CTĐT của các trường đại học hàng đầu Việt Nam và thế giới, đã được HĐKHĐT Khoa, doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực du lịch đánh giá, góp ý. Sau nhiều lần sửa đổi, CTĐT được HĐKHĐT Trường thông qua.

Ngoài ra, CTĐT được thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường, cụ thể rà soát đánh giá định kỳ 2 năm/lần và đánh giá tổng thể theo chu trình tối đa là 5 năm/lần. Kết quả rà soát, đánh giá CTĐT được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc kiểm định CTĐT sẽ được thực hiện ngay sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, CTĐT phải được kiểm định theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018). Quá trình này sẽ được thực hiện thường xuyên 05 năm một lần. Ngành Du lịch sẽ áp dụng hệ thống kiểm định CTĐT quốc tế như AUN-QA, FIBAA để đảm bảo chất lượng của đào tạo tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

4.1.1. Đội ngũ giảng viên Khoa KHXH&NV

Được thành lập năm 1997 (cùng với thời điểm thành lập Trường Đại học Tôn Đức Thắng), Khoa KHXH&NV liên tục phát triển và hiện có 5 bộ môn đáp ứng nhu cầu đào tạo 4 ngành chủ lực của Khoa. Khoa KHXH&NV hiện có 49 giảng viên – viên chức cơ hữu, trong đó có 01 phó giáo sư, 16 tiến sĩ, 32 thạc sĩ. Bên cạnh đó, Khoa còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là các giáo sư, tiến sĩ uy tín trong và ngoài nước. Điểm đặc biệt, có nhiều giảng viên khá trẻ, năng động và được đào tạo quốc tế, nhất là chuyên môn về ngành Du lịch và quản trị giải trí. Sắp tới, Khoa KHXH&NV quy hoạch tăng thêm ngành mới và tuyển dụng thêm nhiều giảng viên (riêng ngành Du lịch dự kiến tuyển thêm từ 3 đến 5

giảng viên cơ hữu), tốt nghiệp từ các trường quốc tế về giảng dạy và NCKH nhằm đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo mới theo quy định của Bộ GD&ĐT, trong đó có ngành Du lịch.

4.1.2. Điều kiện giảng viên ngành Du lịch

Đối với yêu cầu lực lượng giảng viên cơ hữu giảng dạy ngành Du lịch có 49 giảng viên cơ hữu và 18 giảng viên thỉnh giảng có kinh nghiệm chuyên môn cao, trình độ từ thạc sĩ trở lên cùng tham gia giảng dạy những môn học ngành du lịch. Để cập nhật các kiến thức thực tế cho sinh viên, Khoa cũng hợp tác với hơn 10 chuyên gia đang công tác tại các cơ quan, doanh nghiệp về lĩnh vực du lịch tham gia chia sẻ một số chuyên đề du lịch và giảng dạy các học phần liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp (*Mục 1.1-Phụ lục 10*).

Riêng đối với yêu cầu giảng viên cơ hữu chuyên ngành đúng, Khoa hiện có 02 tiến sĩ ngành Du lịch, 02 nghiên cứu sinh và 02 thạc sĩ ngành Du lịch. Mặt khác, toàn bộ đội ngũ giảng viên ngành gần này có thể tham gia giảng dạy các môn cơ sở và các môn cơ sở ngành và một số môn chuyên ngành của ngành đào tạo du lịch đang đề xuất mở.

Như vậy, với đội ngũ giảng viên hiện có, Khoa KHXH&NV đã đáp ứng đầy đủ điều kiện mở ngành quy định tại Điều 4 Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 Bộ GD&ĐT. Cụ thể, Khoa đảm bảo có 01 tiến sĩ ngành Du lịch là giảng viên cơ hữu, có kinh nghiệm giảng dạy đại học trên 03 năm, chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT. Bên cạnh đó, Khoa cũng đảm bảo quy định có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình.

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng thân hữu đến từ các trường đại học có uy tín tại TP.HCM (Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP.HCM, Trường Đại học Văn hóa TP.HCM, Trường Đại học Sư Phạm TP.HCM, Trường Đại học Mở TP.HCM,...) giúp Khoa luôn đảm bảo lực lượng giảng viên đầy đủ, chất lượng để đảm nhiệm toàn bộ công tác giảng dạy các môn học trong CTĐT ngành mới; bảo đảm mỗi học phần của CTĐT phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm (*mục 1.2 – Phụ lục 10*); đảm bảo giảng viên thỉnh giảng (theo mỗi năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định.

4.2. Kế hoạch và lộ trình phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quy mô tuyển sinh, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm (đến năm 2026), trong đó Khoa KHXH&NV có kế hoạch phát triển

đội ngũ giảng viên cho phù hợp định hướng phát triển của Khoa và Nhà trường. Bên cạnh các tiến sĩ tốt nghiệp trong nước, Nhà trường ưu tiên tuyển dụng các giảng viên là các tiến sĩ chuyên ngành Du lịch được đào tạo ở nước ngoài, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ, phù hợp với định hướng hội nhập quốc tế của Trường.

Ngoài ra, Khoa KHXH&NV sẽ tạo điều kiện để các giảng viên cơ hữu chuyên ngành Du lịch trình độ thạc sĩ học tiếp nghiên cứu sinh, tạo nguồn giảng viên tại chỗ, nhằm đáp ứng yêu cầu của một giảng viên tại TDTU nói chung và Khoa KHXH&NV nói riêng.

Về nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, trong 02 năm đầu sau khi tuyển sinh, sinh viên học các môn đại cương và môn cơ sở ngành, do vậy Khoa có thể đáp ứng được nhu cầu về giảng viên dựa vào đội ngũ giảng viên hiện có. Cùng lúc đó, Khoa sẽ tiến hành tuyển dụng thêm các giảng viên cơ hữu khác có chuyên ngành Du lịch trình độ từ thạc sĩ trở lên để tập huấn và đào tạo thêm về nghiệp vụ sư phạm cũng như các yêu cầu về kiến thức kỹ năng khác như chuẩn tiếng Anh, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm,... nhằm đáp ứng yêu cầu của một giảng viên tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng nói chung và Khoa KHXH&NV nói riêng. Cụ thể về kế hoạch tuyển dụng và đào tạo xem trong bảng 4.1:

Bảng 4.1. Kế hoạch tuyển dụng và đào tạo giảng viên chuyên ngành Du lịch

STT	Năm tuyển dụng	Số lượng tuyển dụng (ThS/TS ngành/chuyên ngành Du lịch)	Kế hoạch đào tạo
1	Năm thứ nhất sau khi tuyển sinh	02	- Nghiên cứu các quy định của Trường, Khoa (01 tháng) - Dự giờ, chuẩn bị bài, trợ giảng (06 tháng)
2	Năm thứ hai sau khi tuyển sinh	02	- Giảng thử cấp bộ môn, cấp Khoa: sau 03 tháng cấp bộ môn, sau 06 tháng cấp Khoa.
3	Năm thứ ba sau khi tuyển sinh	02	- Học đạt chứng chỉ sư phạm (nếu chưa có) (03 tháng) - Học đạt chứng chỉ Ngoại ngữ theo quy định của Trường sau 12 tháng.

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

a. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư 02, Nhà trường đã có đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và giáo trình, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT (*Mục 3-Phụ lục 10*).

b. Nhà trường có đầy đủ phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT Du lịch, phù hợp với quy mô đào tạo trình độ đại học. Cụ thể Nhà trường hiện có tổng cộng 02 phòng học lớn trên 200 chỗ, 02 phòng học từ 100 - 200 chỗ, 05 phòng học từ 50 - 100 chỗ; 07 phòng học dưới 50 chỗ; 03 phòng học đa phương tiện dành cho ngành Du lịch. Số lượng phòng học đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất để giảng dạy toàn bộ các môn học lý thuyết (*kế hoạch sử dụng phòng học từng học phần theo từng năm học thể hiện Mục 3.1-Phụ lục 10*). Nhà trường đảm bảo đầy đủ phòng máy tính thực hành để giảng dạy các môn tin học và trong toàn bộ CTĐT (*Mục 3.3-Phụ lục 10*).

Nhà trường đã có hệ thống công nghệ thông tin triển khai đồng bộ trong toàn trường, trong đó hệ thống quản lý hỗ trợ học tập (LMS) và hệ thống quản lý đào tạo đảm bảo việc triển khai CTĐT và tổ chức hoạt động đào tạo trong toàn trường. Ngoài ra, Nhà trường có đầy đủ cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để giảng dạy trực tuyến. Nhà trường đã triển khai giảng dạy trực tuyến thành công và đảm bảo hiệu quả chất lượng giảng dạy trực tuyến. Việc giảng dạy trực tuyến được thực hiện hệ thống E-learning (hỗ trợ quản lý dạy và học). Vì vậy, với cơ sở vật chất hiện có, có thể khẳng định Nhà trường đảm bảo việc học tập trực tuyến ngành Du lịch hiệu quả.

c. Nhà trường đã kết nối, hợp tác hơn 1000 tổ chức/doanh nghiệp, trong đó đã ký kết hợp tác toàn diện với 615 tổ chức/doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước và 05 địa phương (Bình Định, Gia Lai, Bình Thuận, Lâm Đồng và Quảng Ngãi); và Khoa KHXH&NV đã triển khai hợp tác trên 100 doanh nghiệp (trong đó ký kết MOU với 25 Doanh nghiệp thân hữu). Tất cả các doanh nghiệp mà Trường và Khoa đã có các hợp tác thỏa thuận sẽ đảm bảo các cơ sở thực tập, thực hành thực tế cho CTĐT ngành Du lịch.

d. Như đã giới thiệu phần sơ lược về cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo tại phần 1, Nhà trường có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ

giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học (*Mục 3.2-Phụ lục 10*); có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành Du lịch trình độ đào tạo đại học, phù hợp với quy mô đào tạo. Ngoài ra, Thư viện trường có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của toàn bộ giảng viên và sinh viên ngành Du lịch (*mục 1.1.5 Cơ sở vật chất và học liệu*).

e. Nhà trường có trang thông tin điện tử (<https://www.tdtu.edu.vn/>) đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Ngoài ra, các nội dung liên quan ngành Du lịch cũng được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Khoa KHXH&NV (<https://ssh.tdtu.edu.vn/>).

Từ phân tích trên, cơ sở vật chất của Nhà trường hiện đã đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo Du lịch trình độ đại học theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 12 của Bộ GD&ĐT.

5.2. Kế hoạch và lộ trình phát triển cơ sở vật chất

Về cơ sở vật chất như phòng học, thư viện, phòng mô phỏng, phòng chuyên đề,... của Nhà trường nói chung và Khoa KHXH&NV nói riêng hiện nay đã đủ năng lực cơ sở vật chất để triển khai đào tạo ngành Du lịch. Do đó, hoàn toàn có thể sử dụng cơ sở vật chất hiện có của Nhà trường và Khoa mà hiện tại không có nhu cầu đầu tư thêm.

Về công nghệ: hiện phòng máy tính Nhà trường đã trang bị đầy đủ phần mềm tin học cơ bản, các trang thiết bị về kết nối mạng internet, thư viện trực tuyến, đảm bảo cho CTĐT ngành Du lịch.

Tuy nhiên, để đảm bảo nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, hằng năm Khoa KHXH&NV luôn tiến hành tập hợp ý kiến các bên liên quan để cập nhật các học liệu mới, bổ sung các phần mềm hỗ trợ đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Ngoài ra, Khoa cũng đang phối hợp với Thư viện lên kế hoạch về việc có bản quyền truy cập các cơ sở dữ liệu trong nước, quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành Du lịch theo kế hoạch hàng năm của Trường.

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Tổ chức bộ máy quản lý

Khoa KHXH&NV được Nhà trường giao xây dựng và quản lý chuyên môn ngành Du lịch. Được thành lập 2016, Bộ môn Du lịch thuộc Khoa KHXH&NV được giao chuyên trách quản lý về mặt chuyên môn Du lịch và tổ chức thực hiện CTĐT.

Hiện nay, tổ chức bộ máy quản lý cấp Khoa KHXH&NV và Bộ môn Du lịch đảm bảo theo quy định gồm 05 thành viên chính gồm Trưởng khoa, Quản lý ngành Du lịch, Quản lý giảng dạy, Công tác giáo vụ và Công tác sinh viên (*Mục 1.3-Phụ lục 10*).

6.2. Phân công nhiệm vụ và kế hoạch phát triển bộ máy quản lý

Nhà trường phân công nhiệm vụ bộ máy quản lý ngành đào tạo Du lịch ở Khoa KHXH&NV (*Mục 1.3-Phụ lục 10*). Từ năm học thứ 1, Bộ môn Du lịch sẽ đề xuất Nhà trường tuyển dụng thêm 02 giảng viên cơ hữu là tiến sĩ ngành phù hợp để hỗ trợ quản lý CTĐT; từ năm học thứ 2 tuyển thêm 04 giảng viên cơ hữu là thạc sĩ trở lên ngành phù hợp hỗ trợ công tác giảng dạy và thực hiện theo CTĐT.

Trách nhiệm quyền hạn của tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo Du lịch: Quản lý viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và người học thuộc Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn theo phân cấp của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng; Tham gia xây dựng CTĐT, đề cương chi tiết các học phần, kế hoạch giảng dạy, biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo các môn do Khoa quản lý; Thực hiện giảng dạy các môn học chuyên ngành và các hoạt động giáo dục khác trong CTĐT; Đề xuất cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo, ngân hàng đề thi, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập; Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành; Triển khai nghiên cứu đề tài khoa học với các cơ quan trong và ngoài Trường Đại học Tôn Đức Thắng; Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án liên kết hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức Khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; Mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp lữ hành trong hoạt động đào tạo, nhằm giúp người học tiếp cận thực tế với ngành học; Quản lý các hoạt động Đoàn, Hội của sinh viên,..

VII. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Dự báo tình huống rủi ro

Các tình huống rủi ro có thể gặp phải khi mở ngành đào tạo Du lịch gồm cạnh tranh trong tuyển sinh, khó khăn tuyển dụng giảng viên, chất lượng đào tạo chưa đảm bảo, sinh viên nghỉ học giữa chừng và đình chỉ hoạt động đào tạo.

Do yếu tố cạnh tranh, ngành đào tạo Du lịch sẽ gặp khó khăn trong tuyển sinh những năm đầu do chưa được người học biết tới ngành mới tuyển tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Sự cạnh tranh đến từ các trường đại học uy tín tại TP.HCM có ngành Du lịch đào tạo nhiều năm qua. Trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào mạng giáo dục (AIT Thái Lan, RMIT-Úc,...). Với tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm quản trị quốc tế, các cơ sở giáo dục nước ngoài tạo áp lực cạnh tranh rất lớn đến đại học công lập. Ngoài ra, nhiều trường đại học dân lập trong nước (Trường Đại học Hoa Sen, Trường Đại học Văn Lang, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Trường Đại học Công nghệ TP.HCM - Hutech,...), đẩy mạnh đầu tư vào giáo dục, phát triển ngành mới theo nhu cầu thị trường, trong đó có ngành Du lịch. Các trường dân lập có chính sách quảng bá tốt, vì vậy luôn thu hút lượng tuyển sinh lớn, gây rủi ro cao trong công tác tuyển sinh ngành đào tạo Du lịch.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên chuyên ngành Du lịch khan hiếm. Tiến sĩ chuyên ngành Du lịch chủ yếu tốt nghiệp từ nước ngoài nhưng số lượng trở về nước làm công tác giảng dạy không nhiều. Trong khi đó, có rất ít tiến sĩ tốt nghiệp trong nước Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Huế đào tạo bậc tiến sĩ Du lịch) và số lượng nghiên cứu sinh Du lịch tuyển sinh hằng năm khá khó khăn. Vì vậy, các Trường cạnh tranh gay gắt với nhau để tuyển dụng đội ngũ giảng viên, do đó rủi ro cao khi đảm bảo tiêu chí đội ngũ giảng viên cơ hữu đúng chuyên ngành Du lịch để duy trì ngành đào tạo vừa mở. Ngoài ra, do khan hiếm nguồn giảng viên có chất lượng cao, nên việc phát triển quy mô đào tạo về sau gặp nhiều khó khăn.

Chất lượng đào tạo giữa các cơ sở đào tạo (công lập, dân lập, nước ngoài) rất khác nhau. Thực tế, phụ huynh cũng như học sinh khó đánh giá sự khác biệt về chất lượng đào tạo giữa các cơ sở đào tạo. Kết quả khảo sát chỉ ra thực tế nhiều doanh nghiệp than phiền việc phải đào tạo lại sinh viên sau tốt nghiệp cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Quá trình đào tạo ngành gần du lịch xây dựng hơn 25 năm tại Khoa cho thấy, nhiều học sinh không hiểu rõ ngành học khi chọn trường. Vì vậy, sau khi trúng tuyển đại học, sinh viên nảy sinh nhiều vướng mắc, chưa hiểu rõ về ngành học, dẫn đến rủi ro sinh viên bỏ ngang quá trình học tập tại Trường. Mặt khác, tiếng Anh là rào cản lớn trong quá trình học tập của sinh viên. Người học thường không đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra của Nhà trường, dẫn đến khó đảm bảo tốt nghiệp đúng hạn, thậm chí một số sinh viên buộc thôi học do đã quá hạn đào tạo.

Rủi ro cơ sở đào tạo buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo ngành mới mở bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT. Trong quá trình đình chỉ và khắc phục, hoạt động đào tạo gặp nhiều khó khăn và gây xáo trộn công tác giảng dạy và học tập của sinh viên.

7.2. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

7.2.1. Giải pháp chung

Hàng năm Khoa KHXH&NV thường xuyên tiến hành các hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan, nhằm đánh giá và hiệu chỉnh CTĐT; Rà soát mục tiêu và chỉ tiêu tuyển sinh để phù hợp với nhu cầu của xã hội, qua đó giảm thiểu các rủi ro trong quá trình thực hiện, đồng thời chủ động đề xuất các giải pháp ứng phó rủi ro kịp thời.

7.2.2. Giải pháp cụ thể phòng ngừa và xử lý rủi ro

Để giảm thiểu rủi ro do tuyển sinh không đạt kế hoạch đề ra, Khoa sẽ phối hợp với Ban truyền thông và Quan hệ công chúng Nhà trường sẽ đẩy mạnh công tác truyền thông trước tuyển sinh (từ tháng 02 đến tháng 07 hằng năm) trên nhiều các kênh truyền thông khác nhau như truyền hình, báo chí, website, mạng xã hội,... Ngoài ra, Nhà trường đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh trực tiếp (đến tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT, học sinh THPT đến tham quan Trường) hay trực tuyến (mạng xã hội, hotline, website,...). Công tác tuyển sinh cần đẩy mạnh trong 05 năm đầu tuyển sinh và thực hiện CTĐT du lịch, để người học và phụ huynh học sinh nhận biết có ngành đào tạo mới mở du lịch của Nhà trường.

Để đảm bảo duy trì đội ngũ giảng viên cơ hữu theo quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường sẽ tăng cường tuyển dụng các tiến sĩ chuyên ngành Du lịch tốt nghiệp trong và ngoài nước, để nâng cao chất lượng giảng viên và khả năng nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, trong những năm đầu thực hiện CTĐT, Nhà trường có thể tuyển dụng số lượng ít thạc

sĩ chuyên ngành Du lịch và có nhiều kinh nghiệm quản lý thực tiễn, sau đó gửi đi đào tạo nghiên cứu sinh ở nước ngoài tại các trường thân hữu trên thế giới như Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan,... Bên cạnh đó, sau khóa đào tạo đầu tiên, Nhà trường sẽ chọn những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, giữ lại Trường làm công tác trợ giảng, tạo điều kiện học tiếp lên thạc sĩ, tiến sĩ nhằm tạo nguồn giảng viên cơ hữu cho ngành đào tạo Du lịch.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa KHXH&NV sẽ thực hiện kiểm định CTĐT ngành Du lịch bởi các tổ chức kiểm định CTĐT quốc tế uy tín như AUN-QA, FIBAA,... Đây là nhiệm vụ bắt buộc để nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là điều kiện để mở ngành thạc sĩ Du lịch về sau theo quy định của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, Khoa KHXH&NV sẽ lấy ý kiến doanh nghiệp lý hành, chuyên gia ngành Du lịch định kỳ hằng năm, nhằm điều chỉnh CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm thu hút người học.

Để giảm thiểu nguy cơ sinh viên ngành Du lịch ngừng học tập giữa chừng, công tác giảng viên chủ nhiệm (GVCN) hàng tháng sẽ chú trọng hỗ trợ, tư vấn sinh viên kịp thời khi gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập. Ngoài ra, Khoa KHXH&NV luôn duy trì tổ chức gặp mặt sinh viên 02 lần/học kỳ để lắng nghe tâm tư và nguyện vọng của sinh viên, để có giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ người học. Bên cạnh đó, Khoa sẽ đẩy mạnh kết nối, hợp tác doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên thực tập, kiến tập tích lũy kinh nghiệm thực tiễn. Đồng thời tăng cơ hội sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, qua đó tạo động lực học tập cho người học, giảm trình trạng sinh viên bỏ học giữa chừng.

Để giảm thiểu tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trễ hạn do không đảm bảo điều kiện tiếng Anh đầu ra, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Ngôn ngữ sáng tạo (CLC) của Trường để thường xuyên tư vấn và hướng dẫn cho sinh viên về yêu cầu cần thiết phải học tiếng Anh trong tất cả các buổi họp với sinh viên (họp GVCN hàng tháng và gặp mặt sinh viên 02 lần/học kỳ), đặc biệt là sinh viên năm nhất. Ngoài ra, Khoa khuyến khích tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động học thuật kết hợp giữa chuyên môn và tiếng Anh để giúp sinh viên tăng cường kỹ năng tiếng Anh trong chuyên ngành.

Việc mở ngành đào tạo mới tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Để phòng ngừa rủi ro cơ sở đào tạo buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo ngành mới mở bởi cơ quan có thẩm quyền, Nhà trường sẽ thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định của Bộ GD&ĐT để thực hiện đúng. Trong quá trình thực hiện, nếu có sai sót, Nhà trường sẽ

nhANH chóng khắc phục để đảm bảo quyền lợi của người học và Nhà trường, qua đó duy trì CTĐT, phục vụ nhu cầu của xã hội. Trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động đào tạo không thời hạn, Nhà trường có giải pháp đảm bảo quyền lợi người học như tạo điều kiện chuyển sang học ngành gần của Khoa KHXH&NV; đối với giảng viên ngành Du lịch sẽ được hỗ trợ, phân công giảng dạy các môn học khác như: Xã hội học du lịch, Môi trường và phát triển, Du lịch bền vững, Đô thị du lịch, Du lịch văn hóa,...

VIII. CAM KẾT

Đề án mở ngành Du lịch thực hiện đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường cam kết triển khai và thực hiện tổ chức đào tạo CTĐT theo đúng Đề án mở ngành Du lịch được phê duyệt. *nhv 2hul*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Tổng LĐLĐVN (để b/c);
- Khoa KHXH&NV;
- Lưu: VT, P.ĐH.



TS. Trần Trọng Đạo

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG
(Kèm theo Đề án số...1383...../ĐA-TĐT ngày 25 tháng 4 năm 2025)

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

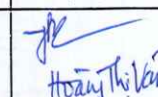
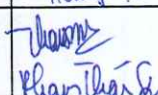
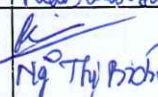
TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Ngành dự kiến mở: Du lịch (Tourism) Mã ngành: 7810101 Trình độ đào tạo: Đại học

1. Về giảng viên

1.1 Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với Trường, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Du lịch

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hoàng Thị Vân 02/12/1991	040191000305 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Du lịch	01/07/2013	X	7915316265	1	0	10	
2	Phạm Thái Sơn 01/01/1990	074090006285 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2025	Du lịch	15/02/2013	X	7913021393	11	0	11	
3	Nguyễn Thị Bích Đào 20/11/1989	079189008908 Việt Nam		Tiến sĩ, Đài Loan, 2022	Khoa học quản lý	01/09/2012	X	7914020503	5	0	0	



Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
4	Nguyễn Minh Huân 13/10/1988	079088012817 Việt Nam		Tiến sĩ, Đài Loan, 2019	Khoa học quản trị	01/09/2012	X	7914020504	5	0	0	<i>Nguyễn Minh Huân</i>
5	Dương Thị Minh Phượng 22/12/1983	049183003058 Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2020	Quản lý du lịch, Chính sách du lịch, XHH nông thôn	01/01/2007	X	0207037276	10	0	12	<i>Nguyễn Thị Minh Phượng</i>
6	Nguyễn Hiếu Tín 01/01/1980	089080006409 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Văn hoá học	01/12/2006	X	0206397024	17	10	24	<i>Nguyễn Hiếu Tín</i>
7	Nguyễn Đức Long 12/05/1996	068096010840 Việt Nam		Thạc sĩ, Đài Loan, 2020	Quản lý Du lịch và Giải trí	01/10/2018	X	6822863753	3	0	0	<i>Nguyễn Đức Long</i>
8	Huỳnh Thị Ánh Hồng 01/01/1996	083196008262 Việt Nam		Thạc sĩ, Đài Loan, 2020	Quản lý Du lịch và Giải trí	15/09/2018	X	8321917557	3	0	0	<i>Huỳnh Thị Ánh Hồng</i>
9	Phạm Công Danh 15/10/1989	052089000005 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản lý tài nguyên và môi trường	16/08/2019	X	7912001247	6	0	0	<i>Phạm Công Danh</i>
10	Nguyễn Thị Trang Nhung 15/12/1987	062187001698 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Văn hóa học	15/06/2010	X	7910308119	8	0	1	<i>Nguyễn Thị Trang Nhung</i>
11	Lê Thị Kim Ngoan 12/9/1991	095191000230 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý dịch vụ du lịch và lữ hành	01/05/2022	X	9513003709	11	0	0	<i>Lê Thị Kim Ngoan</i>
12	Hà Thế Linh 21/02/1971	079071010272 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Du lịch học	15/07/2014	X	0201017051	11	0	2	<i>Hà Thế Linh</i>

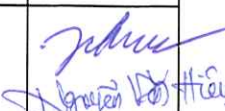
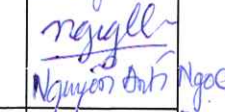
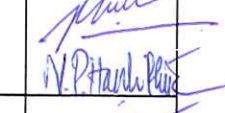
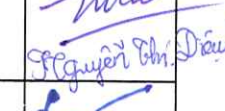
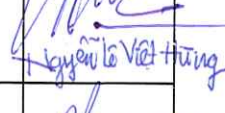
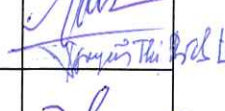
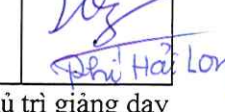
Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
13	Lê Thị Mai 29/03/1952	001152000908 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Xã hội học	01/04/2007	X	HT3 790197036337	22	6	1	<i>Mai Lê Thị Mai</i>
14	Trần Xuân Bình 15/05/1962	044062004657 Việt Nam	PGS 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Xã hội học	01/02/2024	X	3398005773	20	1	3	<i>Trần Xuân Bình</i>
15	Nguyễn Thị Thu Trang 20/01/1980	054180006710 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Xã hội học	01/12/2006	X	0206397023	18	0	2	<i>Nguyễn Thị Thu Trang</i>
16	Nguyễn Phương Thảo 11/04/1992	079192030982 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Xã hội học	03/07/2023	X	7414020241	4	0	0	<i>Nguyễn Phương Thảo</i>
17	Phạm Thị Thanh Huyền 02/01/1981	036181023509 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Lịch sử	01/09/2016	X	8904000183	21	0	5	<i>Phạm Thị Thanh Huyền</i>
18	Nguyễn Công Hưng 12/01/1954	001054012737 Việt Nam		Tiến sĩ, CHLB Nga, 1993	Kinh tế chính trị	01/09/2007	X	HT3 790207328260	15	0	0	<i>Nguyễn Công Hưng</i>
19	John Hutnyk 16/02/1961	PE0390956, Australia		Tiến sĩ, Úc, 1995	Khoa học Chính trị	01/09/2017	X		25	0	0	<i>John Hutnyk</i>
20	Nguyễn Thị Phương Linh 03/06/1988	072188001131 Việt Nam		Thạc sĩ, Philippines, 2014	Công tác xã hội	01/11/2014	X	7913146426	10	0	0	<i>Nguyễn Thị Phương Linh</i>
21	Đổng Thị Hường 03/01/1985	025185000680 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Việt Nam học	01/07/2008	X	7908159108	15	0	2	<i>Đổng Thị Hường</i>
22	Lê Quang Đức 16/11/1967	049067000184 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 1998	Lý luận ngôn ngữ	16/05/2019	X	3496049558	34	0	0	<i>Lê Quang Đức</i>

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
23	Vũ Văn Hiệu 01/01/1984	030084009446 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Công tác xã hội	01/01/2014	X	7914019246	14	1	0	<i>th</i> Lũ Văn Hiệu
24	Đặng Thị Kim Phụng 09/10/1959	072159004779 Việt Nam		Tiến sĩ, Hà Lan, 2014	Chính sách và quản lý	01/09/2017	X	HT372722124 4232	8	0	0	<i>Kim Phụng</i> Đặng Thị Kim Phụng
25	Trần Thị Mỹ Nhung 06/11/1985	046185000456 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Địa lý học	26/07/2022	X	4907005004	13	0	2	<i>Nhung</i> Trần Thị Mỹ Nhung
26	Thái Thị Tú Anh 24/10/1993	040193003743 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Triết học	01/12/2021	X	0116167012	6	0	1	<i>anh</i> Thái Thị Tú Anh
27	Trương Trần Hoàng Phúc 10/07/1984	079084010326 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	CNXHKH	01/06/2023	X	7934055044	14	0	3	<i>Phúc</i> Trương Trần Hoàng Phúc
28	Vũ Văn Thành 29/06/1980	037080003375 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế	01/8//2024	X	206317066	11	0	2	<i>Thành</i> Vũ Văn Thành
29	Nguyễn Văn Thành 19/05/1975	082075015504 Việt Nam		Tiến sĩ, Thái Lan, 2023	Nghiên cứu ngôn ngữ Anh	01/08/2011	X	5200001537	26	0	2	<i>Thành</i> Nguyễn Văn Thành
30	Lê Thị Thanh Trâm 04/07/1987	049187012472 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Công nghệ và quản lý xây dựng	01/04/2014	X	79101178606	10	0	0	<i>Trâm</i> Lê Thị Thanh Trâm
31	Thạch Thanh Tiên 01/01/1986	084086012585 Việt Nam		Tiến sĩ, CH Séc, 2019	Khoa học máy tính, Công nghệ truyền thông và Toán ứng dụng	01/01/2014	X	7914019249	10	0	9	<i>Tiên</i> Thạch Thanh Tiên

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
32	An Thị Ngọc Lan 16/08/1984	079184008948 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật kinh tế	01/01/2019	X	7908225141	5	0	0	An Thị Ngọc Lan
33	Phạm Thị Cẩm Ngọc 11/10/1992	075192000172 Việt Nam		Thạc sĩ, Anh, 2016	Luật kinh tế	15/08/2023	X	7915003184	5	0	0	Phạm Thị Cẩm Ngọc
34	Đỗ Thiên Thanh 07/10/1990	083190003908 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Lý luận và phương pháp dạy học, BM tiếng Anh	11/09/2022	X	7916412954	12	0	0	Đỗ Thiên Thanh
35	Phan Thị Thanh Kiều 25/05/1985	080185014437 Việt Nam		Thạc sĩ, Úc, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	08/08/2018	X	8022951460	17	0	0	Phan Thị Thanh Kiều
36	Bùi Thị Kiều Trinh 16/01/1997	082197016314 Việt Nam		Cử nhân, Việt Nam, 2021	Giáo dục quốc phòng và an ninh	18/7/2022	X	8223816950	2,5	0	0	Bùi Thị Kiều Trinh
37	Lê Hùng 23/04/1985	038085042584 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Quản lý giáo dục	16/10/2019	X	DN4 797930721647	4	0	0	Lê Hùng
38	Phạm Quốc Duy 19/06/1998	084098000868 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Quản lý giáo dục	01/04/2022	X	8422427606	3	0	0	Phạm Quốc Duy
39	Lê Hoàng Chinh 03/11/1985	086085011909 331407765 Việt Nam		Cử nhân, Việt Nam, 2009	Quân sự CN bộ binh	01/8/2022	X	7929525427	3	0	0	Lê Hoàng Chinh
40	Phạm Trần Thanh Văn 03/09/1986	060086004701 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học máy tính	15/9/2016	X	7909182298	10	0	0	Phạm Trần Văn

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
41	Huỳnh Thị Thu Thủy 11/12/1974	079174031022 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Khoa học máy tính	01/11/2014	X	5698015866	27	0	0	
42	Nguyễn Thị Nhung 06/06/1988	036188019520 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Tâm lý học	01/07/2020	X	3620777788	13	0	0	
43	Trịnh Phương Thảo 24/03/1983	037183006559 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam, 2009	Tâm lý học	15/02/2022	X	7410101412	15	0	0	
44	Phạm Xích Nam 24/08/1986	096086001059 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	01/03/2013	X	7913117700	11	0	0	
45	Lê Trần Nhật Hoàng 21/05/1994	079094020759 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục học	10/10/2022	X	7938573907	5	0	0	
46	Nguyễn Đình Long 10/06/1987	049087011398 Việt Nam		Thạc sĩ, Đài Loan, 2015	Khoa học huấn luyện thể thao	01/08/2011	X	4797911382660	13	0	0	
47	Lê Tấn Phát 24/06/1986	048086000134 Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2014	Huấn luyện và giáo dục thể chất	01/03/2017	X	4810020885	16	0	0	
48	Phạm Quỳnh Sỹ 24/01/1987	066087016408 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục thể chất	01/02/2012	X	7912077444	12	0	0	
49	Lê Trần Minh Nghĩa 10/09/1983	079083015991 Việt Nam		Thạc sĩ, Đài Loan, 2015	Khoa học huấn luyện thể thao	01/7/2013	X	0205236933	10	0	0	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
50	Đặng Thị Thuý An 08/05/1989	040189011155 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	X	16/12/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	7915299365	7	0	0	<i>Đặng Thị Thuý An</i>
52	Văn Trung Hiếu 25/04/1982	079082017763 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Lịch sử thế giới	X	19/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	0204374291	7	0	0	<i>Văn Trung Hiếu</i>
52	Nguyễn Thị Hồng Xoan 02/08/1966	040166000249 Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2008	Xã hội học	X	20/9/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	0299113925	14	5	0	<i>Nguyễn Thị Hồng Xoan</i>
53	Trần Đông Duy 28/01/1975	079075003231 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	X	19/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	0201001813	8	0	0	<i>Trần Đông Duy</i>
54	Nguyễn Thị Phương Hảo 10/10/1978	077178007344 Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2019	Nhân văn tổng hợp	X	15/10/2023 Hợp đồng thỉnh giảng	0203104923	5	0	0	<i>Nguyễn Thị Phương Hảo</i>
55	Chung Lê Khang 15/02/1992	083092011218 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Việt Nam học	X	19/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	8321942866	5	0	0	<i>Chung Lê Khang</i>
56	Trương Hải Huyền Thanh 20/11/1989	051189001639 Việt Nam		Thạc sĩ, Hàn Quốc, 2014	Quản trị kinh doanh	X	19/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	7415078293	10	0	0	<i>Trương Hải Huyền Thanh</i>
57	Phạm Thanh Sang 25/01/1994	074094005740 Việt Nam		Thạc sĩ, Pháp, 2019	Phát triển bền vững	X	22/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	7424999545	5	0	0	<i>Phạm Thanh Sang</i>
58	Trần Anh Dũng 05/02/1973	083073002319 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Văn hoá học	X	30/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	0202080623	22	2	0	<i>Trần Anh Dũng</i>
59	Phan Quốc Đại 01/04/1981	079081018233 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Quản trị kinh doanh	X	07/01/2025 Hợp đồng thỉnh giảng	0203285472	4	0	0	<i>Phan Quốc Đại</i>

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
60	Nguyễn Văn Hiệu 01/01/1962	051062001813 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Ngữ Văn	X	19/8/2025 Hợp đồng thỉnh giảng	7930646824	10	3	1	
61	Nguyễn Ánh Ngọc 11/03/1989	082189000493 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Việt Nam học	X	22/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	7911514656	4	0	0	
62	Nguyễn Phạm Hạnh Phúc 24/04/1988	079188022662 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Quản trị kinh doanh	X	16/12/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	7911334552	10	0	11	
63	Nguyễn Thị Diệu Hiền 18/07/1989	080189009350 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Văn hoá học	X	19/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	8012090360	4	0	0	
64	Du Quốc Đạo 09/05/1989	072089013429 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Việt Nam học	X	19/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	7916576289	7	0	0	
65	Nguyễn Lê Việt Hùng 22/03/1985	079085006758 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Y học Cỏ truyền	X	19/8/2024 Hợp đồng thỉnh giảng	7910075825	10	1	8	
66	Nguyễn Thị Bích Liên 04/06/1961	079161019746 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2000	Xã hội học	X	30/10/2023 Hợp đồng thỉnh giảng	7928407508	20	5	8	
67	Phí Hải Long 29/06/1987	056087012958 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2024	Du lịch	X	14/8/2023 Hợp đồng thỉnh giảng	5611007630	10	0	5	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

1.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Du lịch



Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
15	Nguyễn Thị Bích Đào	Marketing du lịch	HK2, năm thứ 3		x			Giảng viên cơ hữu, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
16	Huỳnh Thị Ánh Hồng							
17	Nguyễn Thị Bích Đào	Du lịch MICE	HK1, năm thứ 4			x		Giảng viên cơ hữu, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
18	Huỳnh Thị Ánh Hồng							
19	Nguyễn Minh Huân	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	HK2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
20	Nguyễn Thị Bích Liên							Giảng viên thỉnh giảng
21	Nguyễn Minh Huân	Quản trị nhà hàng khách sạn	HK1, năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
22	Nguyễn Thị Trang Nhung							
23	Dương Thị Minh Phượng	Những vấn đề đương đại trong du lịch	HK2, năm thứ 4			x		Giảng viên cơ hữu, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
24	Nguyễn Thị Hồng Xoan							Giảng viên thỉnh giảng
25	Dương Thị Minh Phượng	Khóa luận tốt nghiệp	HK2, năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
26	Lê Thị Kim Ngoan							
27	Dương Thị Minh Phượng	Tập sự nghề nghiệp	HK2, năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
28	Hà Thế Linh							
29	Phạm Xích Nam	Boi lội	HK1, năm thứ 1	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
30	Lê Trần Nhật Hoàng							
31	Phạm Trần Thanh Văn	Cơ sở tin học 1	HK1, năm thứ 1	x				
32	Huỳnh Thị Thu Thủy							
33	Phạm Trần Thanh Văn	Cơ sở tin học 2	HK2, năm thứ 1	x				
34	Huỳnh Thị Thu Thủy							
35	Bùi Thị Kiều Trinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh – Học phần 1	HK1, năm thứ 1	x				
36	Lê Hùng							
37	Bùi Thị Kiều Trinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh – Học phần 2	HK1, năm thứ 1	x				
38	Lê Hùng							
39	Phạm Quốc Duy	Giáo dục quốc phòng và an ninh – Học phần 3	HK1, năm thứ 1	x				
40	Lê Hoàng Chinh							
41	Lê Hoàng Chinh	Giáo dục quốc phòng và an ninh – Học phần 4	HK1, năm thứ 1	x				
42	Phạm Quốc Duy							
43	Nguyễn Thị Nhung	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	HK1, năm thứ 1, 2, 3 HK2, năm thứ 2, 3	x				
44	Trịnh Phương Thảo							
45	Phạm Thị Cẩm Ngọc	Pháp luật đại cương	HK1, năm thứ 1	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
46	An Thị Ngọc Lan							
47	Phan Thị Thanh Kiều	Tiếng Anh 1	HK2, năm thứ 1	x				
48	Đỗ Thiên Thanh							
49	Phan Thị Thanh Kiều	Tiếng Anh 2	HK1, năm thứ 2	x				
51	Đỗ Thiên Thanh							
52	Nguyễn Đình Long	Nhóm tự chọn GDTC 1 (38198_240707)	HK2, năm thứ 1	x		x		
53	Lê Tấn Phát							
54	Phạm Quỳnh Sỹ	Nhóm tự chọn GDTC 2 (38199_240707)	HK1, năm thứ 2	x		x		
55	Lê Trần Minh Nghĩa							
56	Thái Thị Tú Anh	Triết học Mác - Lênin	HK1, năm thứ 2	x				
57	Nguyễn Công Hưng							
58	Nguyễn Công Hưng	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	HK2, năm thứ 2	x				
59	Lê Thị Loan							
60	Vũ Văn Thành	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	HK1, năm thứ 3	x				
61	Trương Trần Hoàng Phúc							
62	Trần Thị Mỹ Nhung	Du lịch bền vững	HK1, năm thứ 3	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
63	Đặng Thị Kim Phụng							
64	Phạm Thị Thanh Huyền	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HK2, năm thứ 3	x				
65	Vũ Văn Thành							
66	Trương Trần Hoàng Phúc	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	HK2, năm thứ 3	x				
67	Phạm Thị Thanh Huyền							
68	Nguyễn Hiếu Tín	Cơ sở văn hoá Việt Nam	HK2, năm thứ 1	x				
69	Nguyễn Thị Trang Nhung							
70	Nguyễn Hiếu Tín	Lịch sử văn minh thế giới	HK1, năm thứ 1	x				
71	John Hutnyk							
72	Nguyễn Hiếu Tín	Các loại hình nghệ thuật Việt Nam	HK2, năm thứ 2			x		
73	Lê Quang Đức							
74	Huỳnh Thị Ánh Hồng	Du lịch cộng đồng	HK1, năm thứ 4			x		
75	Trần Xuân Bình							
76	Phí Hải Long	Thực hành Quản lý du lịch	HK2, năm thứ 2	x				Giảng viên thỉnh giảng
77	Du Quốc Đạo							
78	Thạch Thanh Tiền	Công nghệ thông tin trong du lịch	HK1, 2 năm thứ 3	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
79	Phạm Công Danh	Công nghệ thông tin trong du lịch	HK1, 2 năm thứ 3	x				
80	Nguyễn Đức Long	Các điểm đến trên thế giới: văn hóa và địa lý	HK1, năm thứ 3				x	
81	Văn Trung Hiếu							Giảng viên thỉnh giảng
82	Chung Lê Khang	Giải trí và xã hội	HK2, năm thứ 2				x	
83	Đồng Thị Hường							Giảng viên thỉnh giảng
84	Huỳnh Thị Ánh Hồng	Văn hóa ẩm thực	HK1, năm thứ 2	x				
85	Văn Trung Hiếu							Giảng viên thỉnh giảng
86	Nguyễn Thị Phương Linh	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	HK1, năm thứ 3	x				
87	Du Quốc Đạo							Giảng viên thỉnh giảng
88	Vũ Văn Hiệu	Kỹ năng tổ chức sự kiện	HK2, năm thứ 3	x				
89	Nguyễn Lê Việt Hùng							Giảng viên thỉnh giảng
90	Nguyễn Thị Trang Nhung	Quản lý nguồn nhân lực trong du lịch	HK1, năm thứ 3,4	x				
91	Trương Hải Huyền Thanh							Giảng viên thỉnh giảng
92	Lê Thị Kim Ngoan	Tôn giáo	HK2, năm thứ 1	x				
93	Lê Quang Đức							
94	Lê Thị Kim Ngoan	Du lịch văn hóa	HK1, năm thứ 2	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
95	Lê Quang Đức							
96	Hà Thế Linh	Thiết kế và điều hành tour	HK1, năm thứ 4	x		x		
97	Chung Lê Khang							Giảng viên thỉnh giảng
98	Nguyễn Đức Long	Nghiep vụ xuất nhập cảnh	HK1, năm thứ 3			x		
99	Phan Quốc Đại							Giảng viên thỉnh giảng
100	Trần Thị Mỹ Nhung	Kinh tế du lịch	HK2, năm thứ 2	x				
101	Nguyễn Ánh Ngọc							Giảng viên thỉnh giảng
102	Lê Thị Mai	Nhập môn xã hội học	HK1, năm thứ 1	x				
103	Nguyễn Thị Thu Trang							
104	Nguyễn Thị Thu Trang	Xã hội học du lịch	HK2, năm thứ 2	x				
105	Nguyễn Phương Thảo							
106	Nguyễn Văn Thành	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	HK1, năm thứ 2	x				
107	Nguyễn Thị Diệu Hiền							Giảng viên thỉnh giảng
108	Chung Lê Khang	Du lịch sinh thái	HK1, năm thứ 3			x		Giảng viên thỉnh giảng
109	Nguyễn Đức Long							
110	Lê Thị Thanh Trâm	Tổng quan về thống kê trong kinh tế	HK1, năm thứ 2	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
113	Thạch Thanh Tiền							
114	Đồng Thị Hường	Lễ tân ngoại giao	HK1, năm thứ 4			x		Giảng viên thỉnh giảng
115	Trần Anh Dũng							
116	Đồng Thị Hường	Địa lý du lịch	HK1, năm thứ 2	x				
118	Trần Thị Mỹ Nhung							
119	Đặng Thị Thúy An	Tuyển điểm du lịch 2	HK1, năm thứ 3	x				Giảng viên thỉnh giảng
120	Phí Hải Long							
121	Văn Trung Hiếu	Nhập môn khu vực học	HK1, năm thứ 2	x				Giảng viên thỉnh giảng
122	Trần Xuân Bình							
123	Trần Đông Duy	Du lịch tàu biển	HK1, năm thứ 4			x		Giảng viên thỉnh giảng
124	Trần Anh Dũng							
125	Trần Đông Duy	Đạo đức và trách nhiệm xã hội	HK1, năm thứ 1	x				Giảng viên thỉnh giảng
126	Lê Thị Mai							
127	Chung Lê Khang	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	HK2, năm thứ 3	x				Giảng viên thỉnh giảng
128	Du Quốc Đạo							
129	Trương Hải Huyền Thanh	Quản lý chiến lược trong du lịch	HK1, năm thứ 4	x				Giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
130	Nguyễn Phạm Hạnh Phúc							
131	Trương Hải Huyền Thanh	Quản lý rủi ro trong du lịch	HK1, năm thứ 4	x				Giảng viên thỉnh giảng
132	Phan Quốc Đại							
133	Phạm Thanh Sang	Xúc tiến và đầu tư du lịch	HK2, năm thứ 3			x		Giảng viên thỉnh giảng
134	Phạm Công Danh							
135	Trần Anh Dũng	Quản trị dịch vụ khách hàng	HK2, năm thứ 3	x				Giảng viên thỉnh giảng
136	Trương Hải Huyền Thanh							
137	Nguyễn Văn Hiệu	Du lịch văn hoá	HK2, năm thứ 1	x				Giảng viên thỉnh giảng
138	Phạm Thanh Sang							
139	Nguyễn Phạm Hạnh Phúc	Quản lý điểm đến	HK2, năm thứ 3	x				Giảng viên thỉnh giảng
140	Nguyễn Đức Long							
141	Nguyễn Lê Việt Hùng	Kỹ năng sơ cấp cứu trong du lịch	HK1, năm thứ 3	x				Giảng viên thỉnh giảng
142	Phạm Thanh Sang							
143	Đặng Thị Kim Phụng	Môi trường và phát triển	HK2, năm thứ 1	x				
144	Nguyễn Thị Phương Linh							
145	Lê Quang Đức	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng	HK2, năm thứ 3	x				

1.3 Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Phạm Thị Hà Thương, 1982, Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2024	Công tác xã hội	Quản lý chung
2	Hoàng Thị Vân, 1991, Giảng viên	Tiến sĩ, 2024	Du lịch	Quản lý ngành đào tạo và chương trình đào tạo
3	Nguyễn Hiếu Tín, 1980, Phó trưởng bộ môn, Phụ trách bộ môn Du lịch	Thạc sĩ, 2006	Văn hóa học	Quản lý giảng dạy chương trình đào tạo
4	Bùi Lê Tuấn Anh, 1998, Viên chức hành chính	Kỹ sư, 2020	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Trợ lý công tác sinh viên Khoa
5	Trần Phương Nhung, 1996, Viên chức hành chính	Cử nhân, 2018	Xã hội học	Giáo vụ Khoa

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

2.1 Các đề tài nghiên cứu khoa học, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Du lịch (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	QĐ số 477/QĐ-S KHCN ngày 31/10/2022	Cấp tỉnh	Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển du lịch cộng đồng, sinh thái tại làng Hà Văn Trên, xã Canh Thuận, huyện Văn Canh, tỉnh Bình Định	TS. Nguyễn Minh Huân ThS. Nguyễn Hiếu Tín	QĐ số 381/QĐ-SKHCN ngày 22/11/2024	29/11/2024	Đạt, 29/11/2024	TS. Nguyễn Thị Bích Đào (Marketing du lịch) TS. Dương Thị Minh Phượng (Những vấn đề đương đại trong du lịch) ThS. Hà Thế Linh (Thiết kế và điều hành tour) ThS. Phạm Thái Sơn (Thực hành du lịch 2) ThS. Hoàng Thị Vân (Du lịch Việt Nam) ThS. Lê Thị Kim Ngoan (Du lịch văn hóa)	
2	HĐ số 03092020/HDDA/VHTT-TC ngày 3/9/2020	Cấp tỉnh	Xây dựng Mô hình thí điểm du lịch Homestay Cồn Chim, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	ThS. Tạ Xuân Hoài		23/12/2022	Đạt 23/12/2022	ThS. Hoàng Thị Vân (Tổng quan du lịch) ThS. Nguyễn Hiếu Tín (Cơ sở văn hóa Việt Nam) ThS. Hà Thế Linh (Quản trị kinh doanh du lịch)	

2.2 Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo Du lịch trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

Số TT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Nguyen, D. T. B., Nguyen, T. K. V., (2024). The Impact of Electronic Word-of-Mouth on the Purchase Intention of Tourists on Online Hotel Booking Applications. International Journal of Asian Business and Information Management (IJABIM), 15(1), 1-19	
2	Dao, N. T. B., Anh, D. N. T., (2024). The Impact of Personal Innovativeness on The Behavioral Intention to Using Tourism Mobile Applications of Generation Z in Ho Chi Minh City, Vietnam. GeoJournal of Tourism and Geosites, 55(3), 1186-1197	
3	Vo-Thanh, T., Nguyen, H. M., Nguyen, T. M., Pham, D. C., & Nguyen, H. P. (2024). Investigating the impact of fear of COVID-19 on intention to quit: do supervisor support and government support matter?. Journal of Asia Business Studies	
4	Hung, N. P., & Nguyen, H. M. (2024). Staycation tourism during the COVID-19 pandemic. Inter-Asia Cultural Studies, 25(1), 139-155	
5	Nguyen, H. M., & Nguyen, Y. (2023). Do Perceptions of Destination Social Responsibility Contribute to Environmentally Responsible Behavior? A Case Study in Phu Quoc, Vietnam. Sustainability, 15(22), 15803	

Số TT	Công trình khoa học	Ghi chú
6	Nguyen, H. M., Phuc, H. N., & Tam, D. T. (2023). Travel intention determinants during COVID-19: The role of trust in government performance. <i>Journal of Innovation & Knowledge</i> , 8(2), 100341	
7	Phuc, H. N., & Nguyen, H. M. (2020). The importance of collaboration and emotional solidarity in residents' support for sustainable urban tourism: Case study Ho Chi Minh City. <i>Journal of Sustainable Tourism</i> , 31(2), 1-20	
8	Nguyen, H. M., & Hutnyk, J. (2020). Sociology in Vietnam. <i>Journal of Asian and African Studies</i> , 55(6), 783-785	
9	Van, H. T., & Hieu, V. M. (2020). Travel Branding in Tourism 4.0: Case Study Vietnam Travel. <i>Journal of Asian and African Studies</i> , 55(6), 896-909.	
10	Tin, N.H. & Long, N.D (2022). Exploration of Vietnamese Calligraphy Art in Tourism. Joint international Conference (Culture Convergence), Jeonbuk National University & Ton Duc Thang University, 15-18 July, 2022	
11	Tin, N.H. (2024). The phenomena of contemporary vietnamese calligraphy's cultural refraction using brush pens and latin letters. The International Conference on Innovations in the social sciences and Humanities (ISSH 2024)	
12	Duong, M.P.T., Sari, N. P. W. P., Mazenda, A., Nguyen, M. H., & Vuong, Q. H. (2024). Improving the market for household livestock production to alleviate food insecurity in the Philippines. <i>Animal Production Science</i> , 64(7) https://doi.org/10.1071/AN23349	
13	Vuong, Q. H., Duong, M.P.T., Nguyen, Q. Y. T., La, V. P., Nguyen, P. T., & Nguyen, M. H. (2024). Ocean economic and cultural benefit perceptions as stakeholders' constraints for supporting conservation policies: A multi-national investigation. <i>Marine Policy</i> , 163, 106134. https://doi.org/10.1016/j.marpol.2024.106134	
14	Nguyen, M.H., Duong, M.P.T., Nguyen, Q. L., La, V. P., & Hoang, V. Q. (2024). In search of value: the intricate impacts of benefit perception, knowledge, and emotion about climate change on marine protection support. <i>Journal of Environmental Studies and Sciences</i> , 1-19	
15	Duong, T.M.P., Lobry de Bruyn, L., Kristiansen, P., Marshall, G. R., & Wilkes, J. (2023). Lessons for protected area management in Vietnam: Outcomes of local ethnic minority participation in forest protection of Cat Tien National Park. <i>Society & Natural Resources</i> , 36(4), 366-383 https://doi.org/10.1080/08941920.2023.2166181	
16	Duong, T.M.P., Lobry de Bruyn, L., Kristiansen, P., Marshall, G. R., & Wilkes, J. (2021). Nature and level of NTFP reliance: a case study in the buffer zone of Cat Tien National Park, Vietnam. <i>Forests, Trees, and Livelihoods</i> , 30(2), 116-132 https://doi.org/10.1080/14728028.2021.1891976	
17	Nguyễn Hiếu Tín (2023), Bánh mì Việt Nam, hiện tượng văn hóa ẩm thực đặc biệt của người Việt, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hành trình phát triển bánh mì Việt Nam (NVH Thanh Niên TP. Hồ Chí Minh)	
18	Nguyễn Hiếu Tín (2020), Từ môi sinh văn hóa nước đến tập tục tôn thờ nước ở Nam Bộ, Sách “Tôn giáo ở Nam Bộ: Tiếp cận từ thực hành nghi lễ”, NXB Khoa học xã hội	
19	Nguyễn Hiếu Tín (2020), Trà trong văn hóa phương Đông, Sách “Văn hóa trà ở Việt Nam và Thế Giới – Lịch sử - Văn hoá trà trong bối cảnh đương đại”, NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh	
20	Nguyễn Hiếu Tín (2023), Tính minh triết từ hình tượng khi tam không, Sách “Nghiên cứu Phật Giáo”, tập 4, NXB Khoa học xã hội	
21	Nguyễn Hiếu Tín (2021), Hình tượng thiên nhiên và tư tưởng Phật giáo qua tranh thủy mặc phương Đông, Sách “Tôn giáo với vấn đề Bảo vệ môi trường sinh thái – Lý luận và Thực tiễn”, NXB Khoa học xã hội	

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

3.1 Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Du lịch trình độ đại học

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1.219	Học phần các môn kỹ năng (Môn những kỹ năng phát triển bền vững, thái độ sống, ...)	02 học kỳ, năm 01	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2	336	Học phần các môn kiến thức đại cương (Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, ...)	06 học kỳ, từ năm 01 đến năm 03	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	5	452	Học phần các môn kiến thức cơ sở ngành (Lịch sử văn minh thế giới, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Phương pháp nghiên cứu trong du lịch, ...)	04 học kỳ, từ năm 01 đến năm 02	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	7	432	Học phần các môn kiến thức chuyên ngành (Xã hội học du lịch, Môi trường và phát triển, Địa lý du lịch, Kinh tế du lịch, Luật du lịch, Tuyển điểm du lịch, Thiết kế và điều hành tour, ...)	08 học kỳ, 04 năm học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	3	278	Học phần doanh nghiệp giảng dạy, báo cáo chuyên đề, thực tập seminar, ...)	08 học kỳ, 04 năm học	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	4	120	Toàn bộ các học phần	08 học kỳ, 04 năm học	
1.7	Phòng chuyên đề	1	36	Khóa luận tốt nghiệp	01 học kỳ, năm 04	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	9133	Toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo	08 học kỳ, 04 năm học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	92	Học phần thực tập tuyển điểm, thực hành quản lý du lịch, các chuyên đề định hướng, CLB du lịch, ...	08 học kỳ, 04 năm học	

3.2 Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
-1	-2	-3	-4	-6	-5	-6	-7	-8	-9
1	Introduction to Sociology	OpenStax College	Open Textbook Library, Minneapolis	2021	1	Nhập môn xã hội học	302001	HK1 năm thứ nhất	
2	Xã hội học nhập môn	Trần Hữu Quang	NXB Khoa học xã hội, Hà Nội	2020	1	Nhập môn xã hội học	302001	HK1 năm thứ nhất	
3	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh chủ biên ... [và những người khác]	NXB Thế giới	2024	1	Lịch sử văn minh thế giới	303001	HK1 năm thứ nhất	
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2023	1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	303002	HK2 năm thứ nhất	
5	Giáo trình tôn giáo học	Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	2024	1	Tôn giáo	302049	HK2 năm thứ nhất	
6	A Step-by-Step Introduction to Statistics for Business	Richard N. Landers	SAGE, Los Angeles	2018	1	Tổng quan về thống kê trong kinh tế	303053	HK1 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
7	Tourism geography: Critical understandings of place, space and experience	Stephen Williams, Alan A. Lew	Routledge, London	2015	1	Địa lý du lịch	303008	HK1 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
8	Khu vực học và Nhập môn Việt Nam học	Trần Lê Bảo	NXB Giáo Dục, Hà Nội	2011	1	Nhập môn khu vực học	303003	HK1 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
9	Recent developments in the economics of tourism – Volume II	Larry Dwyer, Neelu Seetaram	Edward Elgar	2013	1	Kinh tế du lịch	303056	HK1 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
10	Khám phá ẩm thực truyền thống Việt Nam	Ngô Đức Thịnh	NXB Trẻ, Hà Nội	2022	1	Văn hóa ẩm thực	303118	HK1 năm thứ 2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
11	Nhập môn du lịch	Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long, Vũ Hương Lan chủ biên,...[và những người khác]	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	1	Tổng quan du lịch	303004	HK1 năm thứ 2	
12	English for international tourism: Pre-intermediate coursebook	Iwonna Dubicka, Margaret O'Keeffe	Pearson Education, Harlow	2014	1	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	303055	HK1 và 2 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
13	Non nước Việt Nam: Sách hướng dẫn du lịch	Tổng cục Du lịch Việt Nam. Trung tâm thông tin du lịch	Trung tâm Công nghệ Thông tin Du lịch	2010	1	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng	303010	HK2 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
14	Văn hóa du lịch	Nguyễn Phạm Hùng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	1	Du lịch văn hóa	303022	HK2 năm thứ 2	
15	Động cơ lựa chọn điểm đến của khách du lịch Hàn Quốc đến miền Trung, Việt Nam	Nguyễn Hoàng Đông,...[và những người khác]		2020	1	Xã hội học du lịch	302051	HK2 năm thứ 2	
16	Research methods for leisure and tourism	A. J. Veal	Pearson Education Limited, Harlow	2018	1	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	307002	HK2 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
17	Non nước Việt Nam: Sách hướng dẫn du lịch	Tổng cục Du lịch Việt Nam. Trung tâm thông tin du lịch	Trung tâm Công nghệ Thông tin Du lịch	2010	1	Thực hành Du lịch 1	303120	HK2 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
18	Non nước Việt Nam	Vũ Thế Bình	NXB Thanh Niên	2020	1	Thực hành quản lý du lịch	303122	HK2 năm thứ 2	
19	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	NXB Hà Nội: Giáo dục Việt Nam	2021	1	Tuyển điểm Du lịch 1	303129	HK2 năm thứ 2	
20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2023	1	Các loại hình nghệ thuật Việt Nam	303034	HK2 năm thứ 2 & HK2 năm thứ 3	
21	Leisure, sports and society	Karl Spracklen	Palgrave Macmillan	2013	1	Giải trí và xã hội	303058	HK2 năm thứ 2 & HK2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
22	Tourism	Peter Robinson, Michael Luck, Stephen Smith	CABI	2020	1	Giải trí và xã hội	303058	HK2 năm thứ 2 & HK2 năm thứ 3	
23	Strategic management for tourism, hospitality and events	Nigel Evan	Routledge	2024	1	Quản trị lữ hành	303061	HK1 năm thứ 3	
24	Hospitality and restaurant management	National Restaurant Association	Pearson Education	2013	1	Quản trị Nhà hàng - Khách sạn	303081	HK1 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
25	Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2022	1	Hành vi tiêu dùng trong du	303098	HK1 năm thứ 3	
26	Urban tourism and urban change: Cities in a global economy	Costas Spirou	Routledge Publisher	2011	1	Đô thị du lịch	303059	HK1 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
27	Tourism geography: Critical understandings of place, space and experience	Stephen Williams	Routledge	2015	1	Các điểm đến trên Thế giới: văn hóa và địa lý	303065	HK1 năm thứ 3	
28	Tourism: The business of travel	Cook, Roy A.	Upper Saddle River, N.J.: Prentice Hall	2018	1	Công nghệ thông tin trong du lịch	305010	HK1 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
29	Giáo trình hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông chủ biên	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2022	1	Hành vi tiêu dùng trong du lịch	303098	HK1 năm thứ 3	
30	International first aid and resuscitation guidelines 2016	International Federation of Red Cross and Red Crescent Societies		2020	1	Kỹ năng sơ cấp cứu trong du lịch	303135	HK1 năm thứ 3	
31	Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh	2011	1	Kỹ năng xử lý tình huống trong du lịch	303136	HK1 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
32	Luật du lịch 2017	Quốc hội		2017	1	Luật du lịch	E01080	HK1 năm thứ 3	Chưa tái bản mới

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
33	Community based tourism – modern destination management	Marcus Dittmann	VDM Verlag Dr. Muller	2009	1	Du lịch cộng đồng	303079	HK1 năm thứ 3 & HK1 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
34	Du lịch cộng đồng	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục	2012	1	Du lịch cộng đồng	303079	HK1 năm thứ 3 & HK1 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
35	The ecotourism-extraction nexus: Political economies and rural realities of (un)comfortable bedfellows	Bram Buscher, Veronica Davidov	Routledge, London	2014	1	Du lịch sinh thái	303021	HK1 năm thứ 3 & HK1 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
36	Non nước Việt Nam	Vũ Thế Bình	NXB Thanh Niên	2020	1	Thực hành Du lịch 2	303121	HK2 năm thứ 3	
37	Marketing for Hospitality and Tourism	Kotler Bowen Makens	Pearson	2022	1	Marketing du lịch	307001	HK2 năm thứ 3	
38	Principles Marketing	Philip Kotler & Kevin Lane Keller	Prentice Hall	2024	1	Marketing du lịch	307001	HK2 năm thứ 3	
39	Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh và Phạm Hồng Chương	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2012	1	Thiết kế và điều hành tour	303083	HK2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
40	Tour Guiding Research: Insights, Issues and Implications	Betty Weiler, Rosemary Black	Channel View Publications	2015	1	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	303134	HK2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
41	Destination marketing and management: theories and applications	Youcheng Wang and Abraham Pizam	CABI	2011	1	Quản lý điểm đến	303069	HK2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
42	Giáo trình địa lý du lịch	Trần Đức Thanh (chủ biên), Trần Thị Mai Hoa	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2017	1	Du lịch Việt Nam	305009	HK2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
43	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	NXB Hà Nội: Giáo dục Việt Nam	2021	1	Thực hành du lịch 2	303121	HK2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
44	Promoting Foreign Investment In Tourism	United Nations, United Nations Conference on Trade and Development	New York and Geneva	2010	1	Xúc tiến đầu tư du lịch	303124	HK2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
45	Thiên nhiên Việt Nam	Lê Bá Thảo	NXB Hà Nội: Giáo dục	2024	1	Tuyển điểm du lịch 2	303130	HK2 năm thứ 3	
46	Bản đồ du lịch Việt Nam	Trung tâm Thông tin Du lịch	Hà Nội: Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam	2024	1	Du lịch Việt Nam	305009	HK2 năm thứ 3	
47	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	Hà Nội: Giáo dục Việt Nam	2021	1	Du lịch Việt Nam	305009	HK2 năm thứ 3	
48	Tourism geography: Critical understandings of place, space and experience	Williams, Stephen	London: Routledge	2015	1	Du lịch Việt Nam	305009	HK2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
49	Human Resources and Tourism: skills, culture and industry	Darren Lee-Ross, Josephine Pryce	Channel View	2010	1	Quản lý nguồn nhân lực trong du lịch	303068	HK2 năm thứ 3 & HK1 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
50	Lễ tân ngoại giao thực hành	Võ Anh Tuấn	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2018	1	Lễ tân ngoại giao	303028	HK2 năm thứ 3 & HK1 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
51	Ngoại giao và công tác ngoại giao: Sách chuyên khảo	Vũ Dương Huân	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội	2022	1	Lễ tân ngoại giao	303028	HK2 năm thứ 3 & HK1 năm thứ 4	
52	Travel Information Manual, Timatic Editing	IATA	IATA Netherlands B.V.	2017	1	Nghiệp vụ xuất nhập cảnh	303015	HK1 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
53	Meetings, Incentives, Conventions and Exhibitions (MICE)	Chloe Lau	Education Bureau, Hong Kong	2024	1	Du lịch MICE	303020	HK1 năm thứ 4	
54	Strategic management for tourism, hospitality and events	Evans, Nigel	Routledge Taylor & Francis Group	2024	1	Quản lý chiến lược trong du lịch	303073	HK1 năm thứ 4	
55	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2023	1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	305CM2	HK2 năm thứ 4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
56	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021	1	Triết học Mác Lênin	306102	HK1 năm thứ 2	
57	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021	1	Kinh tế chính trị Mác Lênin	306103	HK2 năm thứ 2	
58	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	306104	HK1 năm thứ 3	
59	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	306106	HK2 năm thứ 3	
60	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021	1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	306105	HK2 năm thứ 3	
61	Động cơ lựa chọn điểm đến của khách du lịch Hàn Quốc đến	Nguyễn Hoàng Đông,...[và những người khác]	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển Tập 129, Số 5B	2020	1	Xã hội học du lịch	302051	HK2 năm thứ 2	
62	The CLIA guide to the cruise industry	Marc Mancini	Delmar, Cengage Learning	2011	1	Du lịch tàu biển	303090	Học kỳ 1 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
63	Tour Guiding Research: Insights, Issues and Implications	Betty Weiler, Rosemary Black	Channel View Publications	2015	1	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	303134	Học kỳ 2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
64	How to be a Tour Guide: The Essential Training Manual for Tour Managers & Tour Guides	Nick Manning	Nicholas Manning	2014	1	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	303134	Học kỳ 2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
65	Môi trường và phát triển bền vững	Nguyễn Đình Hòa	NXB Giáo dục	2009	1	Môi trường và phát triển	302031	Học kỳ 2 năm thứ nhất	Chưa tái bản mới
66	Môi trường và phát triển bền vững	Lê Văn Khoa	Giáo dục Việt Nam	2012	1	Môi trường và phát triển	302031	Học kỳ 2 năm thứ nhất	Chưa tái bản mới
67	Sustainable tourism futures: perspectives on systems, restructuring, and innovations	Stefan Gössling, C. Michael Hall, David B. Weaver.	New York: Routledge	2012	1	Quản trị rủi ro trong du lịch	305012	Học kỳ 1 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
68	Current issues in hospitality and tourism research and innovations	Zainal, Artinah	New York: Taylor and Francis Group	2012	1	Quản trị kinh doanh du lịch	305011	Học kỳ 2 năm thứ 4	Chưa tái bản mới

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
69	Kỹ năng chăm sóc khách hàng: Dành cho cấp quản lý = Customer service for managers	Vietnam Airlines	Vietnam Airlines	2012	1	Dịch vụ khách hàng	305014	Học kỳ 2 năm thứ 2	Chưa tái bản mới
70	Giáo trình tâm lý học giao tiếp	Huỳnh Văn Sơn	NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	2016	1	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	302220	Học kỳ 1 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
71	Giáo trình quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội	2015	1	Kỹ năng tổ chức sự kiện	302221	Học kỳ 2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
72	The Routledge Handbook of Tourism and Sustainability	Michael and Daniel	Routledge, USA.	2017	1	Du lịch bền vững	303080	Học kỳ 1 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
73	Du lịch Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xu Võ Văn Thành	NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh	2018	1	Những vấn đề đương đại trong du lịch	303132	Học kỳ 2 năm thứ 4	Chưa tái bản mới
74	Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2022	1	Tâm lý du khách	303139	Học kỳ 1 năm thứ 4	
75	Introduction to the Practice of Statistics	David S. Moore, George P. McCabe, and Bruce A. Craig	W.H. Freeman and Co., New York	2021	1	Thống kê xã hội	C01101	Học kỳ 1 năm thứ 2	
76	Kỹ năng thương lượng	Nguyễn Văn Quý hiệu đính	NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh	2017	1	Đàm phán và thương lượng	302211	Học kỳ 2 năm thứ 3	Chưa tái bản mới
77	Business Ethics: Decision Making for Personal Integrity & Social Responsibility 3 rd Edition	Laura Hartman, Joseph DesJardins, Chris MacDonald	McGraw-Hill Education, New York	2014	1	Đạo đức và trách nhiệm xã hội	303052	Học kỳ 1 năm thứ nhất	Chưa tái bản mới
78	Customer service for hospitality and tourism	Simon and Louise Hudson	Goodfellow, Oxford	2022	1	Quản trị chất lượng dịch vụ	305013	Học kỳ 1 năm thứ 4	
79	Du lịch Việt Nam từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xu Võ Văn Thành	NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh	2018	1	Nghiệp vụ du lịch và lữ hành	303137	Học kỳ 2 năm thứ 4	Chưa tái bản mới

Danh mục tạp chí/cơ sở dữ liệu trên thư viện liên quan ngành Du lịch

TT	Tên CSDL/Tạp chí	Link truy cập/Nhà xuất bản
1	Brillonline Open Access Books	https://brill.com/browse?submittedFilterId=by-publication-schedule&pageSize=10&sort=datedescending&et=book&pubschedule_5=new&pubschedule_6=published
2	British History Online	https://www.british-history.ac.uk/
3	Cairn.info Free Access Journals-Revues en accès libre	https://www.cairn.info/
4	Cambridge Books - Open Access	https://www.cambridge.org/core/publications/books

TT	Tên CSDL/Tạp chí	Link truy cập/Nhà xuất bản
5	Canadian Libraries	https://archive.org/details/toronto
6	Centers for Disease Control and Prevention	https://www.cdc.gov/publications/index.html
7	Digital Dissertations (Universitätsbibliothek der LMU Muenchen)	https://edoc.ub.uni-muenchen.de/view/subjects/index.html
8	Digital Repository @ Iowa State University Open Access	https://dr.lib.iastate.edu/home
9	Digitale Sammlungen	https://www.digitale-sammlungen.de/en
10	Digitální knihovna Univerzity Pardubice (dspace)	https://dk.upce.cz/
11	DigitalNZ	https://digitalnz.org/explore
12	Diposit Digital de la Universitat de Barcelona	https://diposit.ub.edu/dspace/
13	DOAB Directory Open Access Books And Chapters Free	http://www.doabooks.org/
14	DTIC STINET	https://discover.dtic.mil/
15	DTIC Technical Reports	https://discover.dtic.mil/technical-reports/
16	Dumas (Dépôt Universitaire de Mémoires Après Soutenance)	https://hal.science/
17	Erudit Global AllJournals	https://www.erudit.org/en/
18	Erudit Open Access Journals	https://www.erudit.org/en/journals/?sorting=disciplines
19	European Union Publications	https://op.europa.eu/en/web/general-publications/health
20	Fraunhofer-ePrints	https://www.fraunhofer.de/en/media-center/publications.html
21	Freely Accessible Arts & Humanities Journals	https://medcraveonline.com/AHOAJ/index
22	Humanities Digital Library Open Access Scholarly Books	https://humanities-digital-library.org/index.php/hdl/index
23	Hyper Article en Ligne (HAL) (Open Access)	https://hal.science/
24	Hypotheses	https://hypotheses.org/
25	Idunn Open Access eBooks	https://www.idunn.no/
26	IEEE Xplore Open Access Journals	https://ieeexplore.ieee.org/Xplore/home.jsp
27	IET Digital Library Open Access	https://ieeexplore.ieee.org/browse/periodicals/title?refinements=ContentType:Journals
28	iLibrary LHQ	https://www.un-ilibrary.org/
29	Index New Zealand (Open Access)	https://natlib.govt.nz/collections/a-z/index-new-zealand-innz
30	Infoscience: EPF Lausanne	https://infoscience.epfl.ch/?ln=en#
31	Iowa Research Online	https://iro.uiowa.edu/esploro/
32	IRDB:Institutional Repositories DataBase	https://irdb.nii.ac.jp/en

TT	Tên CSDL/Tạp chí	Link truy cập/Nhà xuất bản
33	itu-ilibrary.org	https://zendy.io/?utm_source=google&utm_medium=cpc&utm_campaign=ZG_Vietnam_Google_Prospecting_Search_Generic&utm_term=online%20library&matchtype=e&campaignid=19974260048&adgroup_name=library&adgroupid=146712083686&utm_content=text_dynamic-responsive&adposition=&placement=&target=&targetid=kwd-12879726&loc_interest_ms=&loc_physical_ms=1028581&network=s&device=c&devicemodel=&feeditemid=&random=4982642101095216677&gclid=EAIaIQobChMIz-qA7JfR wIVuplmAh0CZwcYEAAAYASAAEgKDuPD BwE&gad=1
34	Journals@UrMEL	https://zs.thulb.uni-jena.de/content/main/journalList.xml#A
35	NARCIS	https://www.openaccess.nl/en/events/narcisnl-will-go-offline-from-july-3rd-2023
36	National Diet Library Digital Collections: Internet Access	https://dl.ndl.go.jp/collections/B00000?pageNum=0
37	Nature Free	https://www.nature.com/
38	NDL Digital Collections (国立国会図書館デジタルコレクション) 館内公開	https://dl.ndl.go.jp/en/collection
39	NORA - Norwegian Open Research Archives	https://nora.openaccess.no/
40	NRC Digital Repository	https://nrc-publications.canada.ca/eng/home/
41	Oakland University OUR@Oakland	https://our.oakland.edu/community-list
42	OAPEN Free	https://www.oapen.org/
43	Public Library of Science (PLOS) Journals Open Access	https://plos.org/
44	SciELO Peru	http://www.scielo.org.pe/scielo.php?script=sci_subject&lng=es&nrm=iso
45	SciELO Portugal	http://www.scielo.mec.pt/scielo.php?script=sci_home&lng=en&nrm=iso#about
46	SciELO Uruguay	http://www.scielo.edu.uy/scielo.php?script=sci_subject&lng=en&nrm=iso#subj2
47	SciELO Venezuela	http://ve.scielo.org/scielo.php?script=sci_subject&lng=en&nrm=iso
48	Science Alert Free	https://scialert.net/journals.php
49	SCOAP3 Journals	https://scoap3.org/phase3-journals/
50	UBIRA eTheses (University of Birmingham)	https://etheses.bham.ac.uk/
51	University of Minnesota Digital Conservancy	https://conservancy.umn.edu/
52	University of North Texas Digital Library	https://digital.library.unt.edu/
53	University of Waterloo UWSpace	https://uwspace.uwaterloo.ca/
54	UNSWWorks (University of New South Wales)	https://unsworks.unsw.edu.au/home
55	Web of Science	https://www.webofscience.com/wos/woscc/basic-search
56	Tạp chí Du lịch - Sở Du lịch TP. Hồ Chí Minh	Sở Du lịch TP. Hồ Chí Minh

3.3 Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo du lịch

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy tính	Trung Quốc, 2022	200	Khoa KHXH&NV	Các môn thực hành tin học	Học kì 1, 2 năm 1	40	
2	Máy chiếu	Nhật, 2020	4	Khoa KHXH&NV	Các môn học lý thuyết	Toàn khóa	50/1	
3	Ti vi	Hàn Quốc, 2024	3	Khoa KHXH&NV	Các môn học lý thuyết	Toàn khóa	50/1	

Các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai

Phòng Tổ chức hành chính (Bảng 1.1): Buathường Ph. Thu Hien

Khoa KHXH&NV (Bảng 1.2, 1.3): Tham Thi Ka Thiong

Phòng Quản lý phát triển KHCN (Bảng 2.1, 2.2): Ph. Lu. An. Hien

Phòng Quản trị thiết bị (Bảng 3.1): Ph. Nguyen Van Hung

Thư viện (Bảng 3.2): Ph. Phi. Cuong

Phòng Điện toán – Máy tính (Bảng 3.3): Ph. Lu. An. Hien

